



MỤC LỤC

ش €

THÔNG TIN CHUNG	4
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	4
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	4
2.1 Thành lập và phát triển	4
2.2 Niêm yết.....	5
2.3 Các sự kiện khác	7
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	8
3.1 Ngành nghề kinh doanh	8
3.2 Địa bàn hoạt động	9
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	9
4.1 Mô hình quản trị	9
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý	9
4.3 Danh sách công ty mẹ, các công ty liên doanh, liên kết.....	12
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	15
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty.....	15
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	15
VI. CÁC RỦI RO	19
6.1 Rủi ro về kinh tế	19
6.2 Rủi ro về luật pháp.....	19
6.3 Rủi ro do đặc thù ngành.....	19
6.3.1 Rủi ro nguyên liệu đầu vào:.....	19
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH	20
II/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016	21
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	23
1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh	23
1.2 Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh	24
1.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	25
II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	26
2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị	26
2.2 Nguồn nguyên vật liệu	32
2.2.1 Nguyên vật liệu:	32
2.3 Chi phí sản xuất	34
2.4 Trình độ công nghệ	34
2.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới.....	39
2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	40
2.7 Hoạt động Marketing	40
2.8 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR).....	41
2.9 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	41
III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	42
3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh	42
IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CÔNG TY	48
4.1 Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	48
<i>Thay đổi ban điều hành trong năm</i>	53
4.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	54
4.2.4 Chính sách tuyển dụng và đào tạo.....	56
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	56
I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY	56
1.1 Hội đồng quản trị	56
1.2 Ban kiểm soát.....	57
II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	57
2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần công ty	57
2.2 Danh sách cổ đông sáng lập.....	58
2.3 Cơ cấu cổ đông	59
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	61



THƯ NGỎ
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Kính thưa: **QUÝ CỔ ĐÔNG**

Kết thúc năm 2015, Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản đạt được một số thành tựu trong sản xuất kinh doanh một cách đáng khích lệ. Để đạt được kết quả này, Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự nỗ lực, đoàn kết của Ban điều hành và tập thể CBCNV toàn công ty, luôn giữ vững sự lạc quan, tự tin, lao động ngày đêm để từng bước vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ đề ra cũng như những mục tiêu của công ty hướng đến.

Với một đội ngũ CBCNV dày dặn kinh nghiệm, am hiểu nhiều lĩnh vực, uyên bác về kiến thức, được kết hợp cùng với các CBCNV trẻ tuổi, chuyên môn vững vàng và tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết đã luôn cùng sát cánh với Trisedco vượt qua trở ngại để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 11.136.867.287 đồng, năm nay năm 2015 lợi nhuận sau thuế đạt 21.360.816.186 đồng đạt tỉ lệ tăng trưởng 91,80%.

Đạt được thành tích như vậy ngoài sự nỗ lực của Tập thể cán bộ công nhân viên còn phải nói đến sự đóng góp của quý cổ đông, quý khách hàng trong suốt chặng đường qua. Quý cổ đông còn là động lực, niềm tin cho chúng tôi vững vàng từng bước xây dựng nên sự thành công, những sự đột phá so với mục tiêu đề ra.

Với nhận định năm 2016 còn nhiều khó khăn, diễn biến khó lường từ nền kinh tế thế giới và trong nước, sự cạnh tranh đến từ những công ty thủy sản trong khu vực ngày càng lớn. Doanh nghiệp có thể tin tưởng vào các chính sách ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tái cơ cấu nền kinh tế của Chính phủ được ban hành năm 2016, cùng với tinh thần lạc quan, sự đoàn kết, sáng tạo, cải tiến và thi đua sản xuất kinh doanh. Trisedco đã, đang và sẽ không ngừng nắm bắt cơ hội, phát huy thế mạnh của bản thân Công ty để đạt được thành công cao nhất. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể CBCNV Trisedco cùng quyết tâm cố gắng bập và chạy hết sức mình để cùng xây dựng nên một tập thể công ty vững mạnh, nhanh chóng đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra năm 2016, thậm chí vượt qua chỉ tiêu ấy, làm tiền đề phát triển cho Công ty đến năm 2020, đưa thương hiệu Trisedco lan tỏa và phát triển ra khỏi phạm vi khu vực, hướng đến những tầm cao.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác đã luôn chung sức, sát cánh cùng Trisedco trong suốt chặng đường vừa qua. Chân thành cảm ơn gia đình các anh, chị em CBCNV đã âm thầm hỗ trợ, làm cầu nối, là hậu phương xây dựng mái ấm vững chắc để các cộng sự của chúng tôi được an tâm công tác tốt. Toàn thể CBCNV Công ty cam kết sẽ tiếp tục làm việc và không ngừng phấn đấu để đưa Trisedco trở thành một trong những công ty kinh doanh vững mạnh trong ngành thủy sản Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong chặng đường sắp tới.

Trân trọng kính chào!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
Lê Văn Chung

THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

- Tên viết tắt: TRI.SED.CO

- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: **TRAVEL INVESTMENT AND SEAFOOD DEVELOPMENT CORPORATION**

- Biểu tượng (Logo):



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600895650 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015 (đăng ký thay đổi lần thứ 16)

- Vốn điều lệ: 381.000.000 đồng.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 381.000.000.000 đồng.

- Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0673 680657

Fax: 0673 680657

- Mã số thuế: 1600895650

- Website: www.trisedco.vn

- Mã cổ phiếu: **DAT**

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

2.1 Thành lập và phát triển

Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang, được thành lập ngày 20/06/2007. Sau gần một năm hoạt động, nhận thấy mô hình Công ty Cổ phần sẽ thích hợp cho việc thu hút đầu tư, huy động vốn cũng như tạo được điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, ngày 15/03/2008 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 53 tỷ đồng. Trong quá trình phát triển, công ty đã nhiều lần tăng vốn điều lệ như sau:

- **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 25.228.087.622 đồng lên 97.942.526.109 đồng theo nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2008 ngày 15/05/2008 và nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009.

- Thời gian phát hành : Tháng 12/2009

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu phát hành : 7.271.444 cổ phiếu

- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ

- **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 97.942.526.109 đồng lên 125.951.526.109 đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009.

- Thời gian phát hành : Tháng 11/2010

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu phát hành : 2.800.900 cổ phiếu

- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ

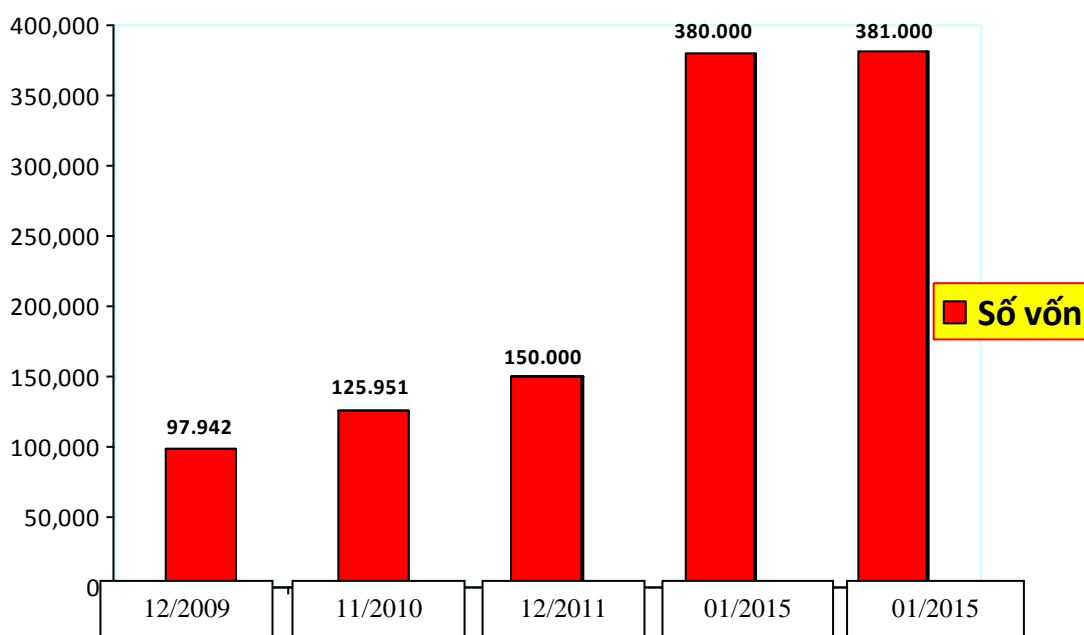


- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 125.951.526.109 đồng lên 150.000.000.000 đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2011 về việc tiếp tục góp thêm vốn lên 150 tỷ.
 - Thời gian phát hành : Tháng 12/2011
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu phát hành : 2.404.847 cổ phiếu
 - Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng theo nghị quyết số 02/NQ.ĐHCĐ/2014 ngày 19/10/2014.
 - Thời gian phát hành : Tháng 01/2015
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu phát hành : 23.000.000 cổ phiếu
 - Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn từ 380.000.000.000 đồng lên 381.000.000.000 đồng theo nghị quyết đại hội cổ đông bất thường ngày 15/01/2015 thông qua việc phát hành cho cán bộ công nhân viên.
 - Thời gian phát hành : Tháng 01/2015
 - Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu phát hành : 100.000 cổ phiếu
 - Phương thức phát hành : Phát hành cho cán bộ công nhân viên

2.2 Niêm yết:

Ngày 06/10/2015, Công ty CP Đầu Tư Du lịch và Phát Triển Thủy Sản được Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 449/QĐ-SGDHCM.

Ngày 05/11/2015, cổ phiếu công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.



Biểu đồ tăng trưởng vốn (triệu đồng)



Lễ trao quyết định niêm yết cổ phiếu



2.3 Các sự kiện khác

Với những tiến bộ và thành quả của mình đạt được trong quá trình phát triển, công ty ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường.

BẢNG TÓM TẮT MỘT SỐ THÀNH TÍCH 4 NĂM

Năm	Thành tích
2012	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chứng nhận ISO 22000:2005 do INTERTEK cấp; ▪ Trung ương hội nghề cá Việt Nam cấp chứng nhận đạt Cúp vàng danh hiệu Chất Lượng Vàng thủy sản Việt Nam lần thứ II-2012; ▪ Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp; ▪ Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen cán bộ, công nhân viên Công ty TRISED CO đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2012;
2013	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Biểu tượng Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 do Ban tổ chức chương trình khảo sát thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 trao tặng; ▪ Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; ▪ Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y của cục thú y đủ điều kiện sản xuất bột cá, mỡ cá;



Năm	Thành tích
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Được cấp Giấy phép xuất hàng đi Trung Quốc do Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cấp.
<p style="text-align: center;">2014</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ban tổ chức lễ tôn vinh Top 100 doanh nhân doanh nghiệp tiên phong-thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 trao tặng biểu tượng Top 100 doanh nghiệp tiên phong vì đã có thành tích góp phần xây dựng, phát triển kinh tế đất nước; ▪ Được trao tặng biểu tượng Thương hiệu dịch vụ uy tín vì người Việt do Lễ hội “Thương hiệu sản phẩm, dịch vụ uy tín vì người Việt” trao tặng; ▪ Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp; ▪ Được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP do INTERTEK cấp.
<p style="text-align: center;">2015</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP do INTERTEK cấp.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Công ty đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

- San lấp mặt bằng. Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước. Xây dựng công trình giao thông (*cầu, đường, cống, . . .*). Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng. Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét.

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

- Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại. Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí.

- Nuôi thủy sản. Sản xuất, chế biến thực phẩm. Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản. Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến. Dầu, mỡ động thực vật.

- Mua bán gạo, tấm. Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản.

- Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật. Mua bán phân bón, cám. Sản xuất phân bón và hộp chất Nitơ.

- Xây dựng công trình dân dụng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Sản xuất, chế biến lương thực.

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Sản xuất, phân phối khí Nitơ và khí nén.

- Trồng lúa. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

Hiện tại lĩnh vực kinh doanh chính là: Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến. Dầu, mỡ động thực vật. Cụ thể là sản xuất chế biến Phụ phẩm từ Cá tra, Cá basa.

3.2 Địa bàn hoạt động

- Địa bàn hoạt động của công ty Trisedco chủ yếu tập trung ở các tỉnh: Đồng Tháp, An Giang, Long An, Tiền Giang, Đồng Nai...

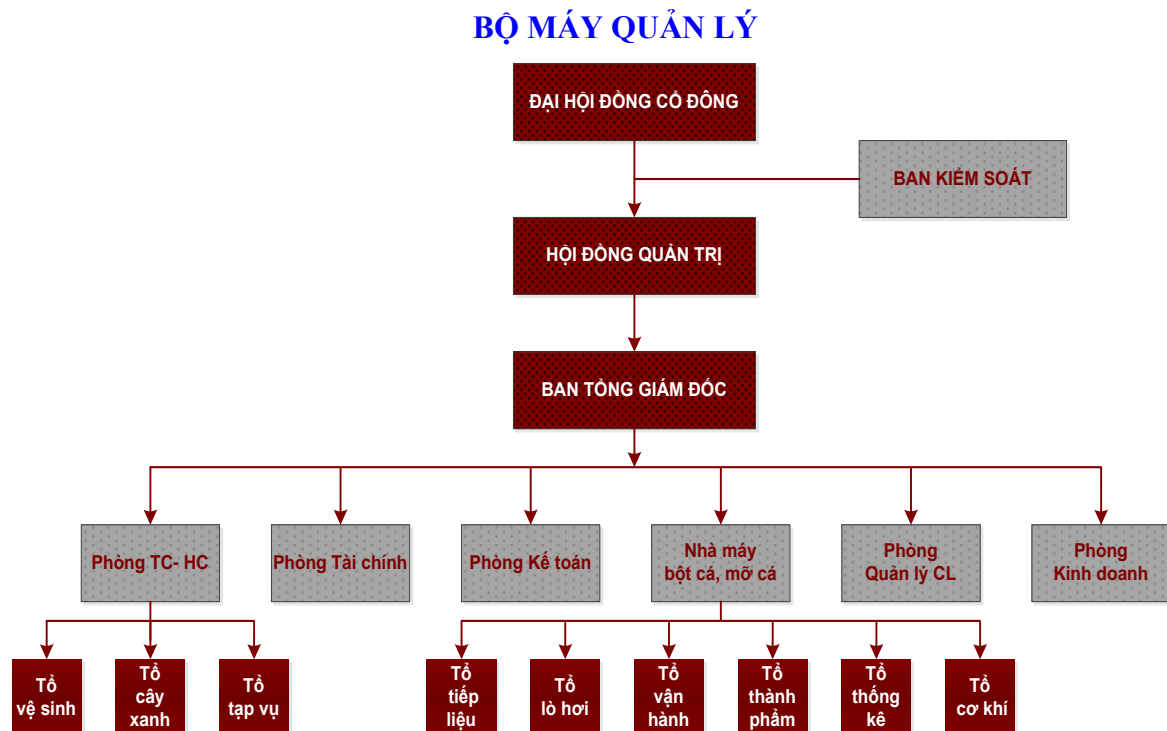


IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.

4.1 Mô hình quản trị

Mô hình quản trị công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý công việc theo các bộ phận chức năng. Tổng giám đốc sẽ điều hành, quản lý thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Trưởng phòng, để trực tiếp giải quyết công việc của từng phòng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của TRISEDCO. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội Đồng Quản Trị:

Là cơ quan quản trị của TRISEDCO, có toàn quyền nhân danh TRISEDCO để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của TRISEDCO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của TRISEDCO;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của TRISEDCO;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của TRISEDCO;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ TRISEDCO quy định.

Hội đồng quản trị công ty, bao gồm:

Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT
Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch HĐQT
Lê Thanh Thuận	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT
Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT
Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT
Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT kiêm TGD
Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên.

Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
Trịnh Thị Ngọc	Thành viên BKS
Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên BKS

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Giám đốc Tài chính do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của TRISEDCO;

- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của TRISED CO;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của TRISED CO;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong TRISED CO, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh.

Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc
Lê Hoàng Cương	Giám đốc Tài chính
Nguyễn Gia Thuận	Kế toán trưởng

Chức năng & Nhiệm vụ của các Phòng Ban:

Phòng Tài chính - Kế toán:

Chức năng:

Phòng Tài chính – Kế toán là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban TGD Công ty về lĩnh vực Tài chính Kế toán.

Nhiệm vụ:

- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách Công ty TRISED CO theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng;
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư;
- Quản lý việc sử dụng và phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

Phòng Kinh doanh:

Chức năng:

Phòng Kinh doanh là phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc nắm bắt kịp thời giá cả thị trường, hoàn thiện các hợp đồng mua bán.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ của Công ty TRISED CO;
- Phản hồi các thông tin từ khách hàng lên Ban Tổng Giám đốc để điều chỉnh chính sách thích hợp;
- Thực hiện thống kê hàng tồn kho, theo dõi việc mua bán hàng hóa, nhập xuất vật tư;
- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược, các loại hình kinh doanh;
- Thực hiện các thủ tục về bán hàng và thu hồi công nợ cho Công ty.

Phòng Quản lý Chất lượng:

Chức năng:

Phòng Quản lý chất lượng (QLCL) là phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc nắm bắt kịp thời, kiểm soát chất lượng hàng hóa Công ty.

Nhiệm vụ:

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo các chương trình đang áp dụng;

▪ Kiểm soát chất lượng hàng hóa theo các tiêu chuẩn về QLCL và báo cáo kịp thời lên Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trong trường hợp hàng hóa không đủ tiêu chuẩn để có hướng giải quyết kịp thời.

Phòng Nhân sự:

Chức năng:

Phòng nhân sự là phòng có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc hoạt động nhân sự của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của Công ty;
- Quản lý và lưu hồ sơ Công ty.

Ban Kiểm soát nội bộ:

Chức năng và Nhiệm vụ:

- Giám sát việc nhập xuất hàng hóa, vật tư của Công ty. Việc giám sát được thực hiện trên nguyên tắc phải đảm bảo đúng khối lượng, số lượng, chất lượng, đúng chủng loại sản phẩm và đúng theo quy trình xuất hàng của Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quy chế, quy định, nội quy, thông báo... của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Ban Giám đốc Nhà máy:

Chức năng và Nhiệm vụ:

- Thực hiện tốt những quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh trong khâu sản xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối với con người và tài sản Công ty. Giám sát quá trình sản xuất đạt chất lượng sản phẩm;
- Tham gia hỗ trợ các phòng ban có liên quan trong việc xây dựng định mức tiêu hao và tiêu chuẩn chất lượng đối với các loại vật tư., nguyên phụ liệu, điện năng;
- Kết hợp với các phòng ban có liên quan thực hiện công tác xuất hàng, đóng dấu hàng, lấy mẫu kiểm theo yêu cầu;
- Thực hiện đào tạo nhân sự mới trước khi vào làm việc chính thức;
- Quản lý máy móc thiết bị, hồ sơ, lý lịch, kỹ thuật của các loại máy móc. Thực hiện công tác đăng kiểm an toàn thiết bị.

4.3 Danh sách công ty mẹ, các công ty liên doanh, liên kết

4.3.1 Danh sách công ty mẹ.

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia - IDI.



- Vốn điều lệ : 983.250.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần : 98.325.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm công, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/07/2003 theo giấy CN ĐKDN CTCP số 0303141296 và thay đổi lần thứ 15 ngày 17/08/2015.

- Đại diện pháp luật : Ông **Lê Văn Chung** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - *Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.*
 - *Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà, kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh).*
 - *Kinh doanh bất động sản.*
 - *Sản xuất bao bì nhựa-giấy, nước đóng chai (không sản xuất tại trụ sở)*
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn IDI đã góp vào DAT (VND)	Tỷ lệ (%)
381.000.000.000	301.192.600.000	79,24



4.3.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết.

Công ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á (AFO)



- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần : 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 02/07/2010 theo giấy CN ĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 09 ngày 03/11/2015.
- Đại diện pháp luật : Ông **Lê Quốc Trường** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - *Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng công trình dân dụng.*
 - *Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.*

- Sản xuất thức ăn, nuôi trồng thủy sản.
- Sản xuất, chế biến thực phẩm
- Buôn bán thực phẩm, thủy sản và thủy sản đã qua chế biến, dầu mỡ động thực vật.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn DAT đã góp vào AFO (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	38.680.500.000	32.23

4.3.3 Danh sách các công ty mà công ty CP Đầu Tư Du Lịch và PT Thủy Sản đang đầu tư

Công ty Cổ phần Nhựt Hồng

- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần : 8.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 177C, đường Cách mạng tháng 8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
- Thành lập ngày : 12/08/2003 theo giấy CN ĐKKD số 3600648648 và thay đổi lần thứ 05 ngày 10/09/2012 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Đại diện pháp luật : Bà Lê Thị Nguyệt Thu Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
 - Buôn bán vật liệu xây dựng.
 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn DAT đã đầu tư vào (VND)	Tỷ lệ (%)
80.000.000.000	4.000.000.000	5,00

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính (ASTAR)



- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần : 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CN ĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang và thay đổi lần thứ 09 ngày 14/07/2011 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện pháp luật : Ông Bùi Cao Cường Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Kinh doanh, đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân (Không bao gồm các hoạt động cho thuê tài chính, tiền tệ, tín dụng, huy động vốn)
 - Buôn bán vật liệu xây dựng.
 - Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn DAT đã đầu tư vào (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	6.418.973.891	5,35

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Phân đầu tăng trưởng vốn chủ sở hữu đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo kinh doanh có lãi, ổn định mức cổ tức hàng năm, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Đẩy mạnh mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

* Về bộ máy nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tất cả CB-CNV, xây dựng chế độ tiền lương, thưởng, và phụ cấp phù hợp ngày càng tăng, để động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc sáng tạo, gắn bó lâu dài với công ty.

- Có kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo hướng kế thừa và tổ chức các lớp học để nâng cao trình độ quản lý của nhân viên và nâng cao tay nghề cho công nhân để đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong CB-CNV để mọi người đều có nhận thức tốt về lao động, đoàn kết, đạo đức trong lối sống và phát huy truyền thống vượt khó của Tập Đoàn Sao Mai An Giang, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức Đoàn thể giúp công ty vượt qua những khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

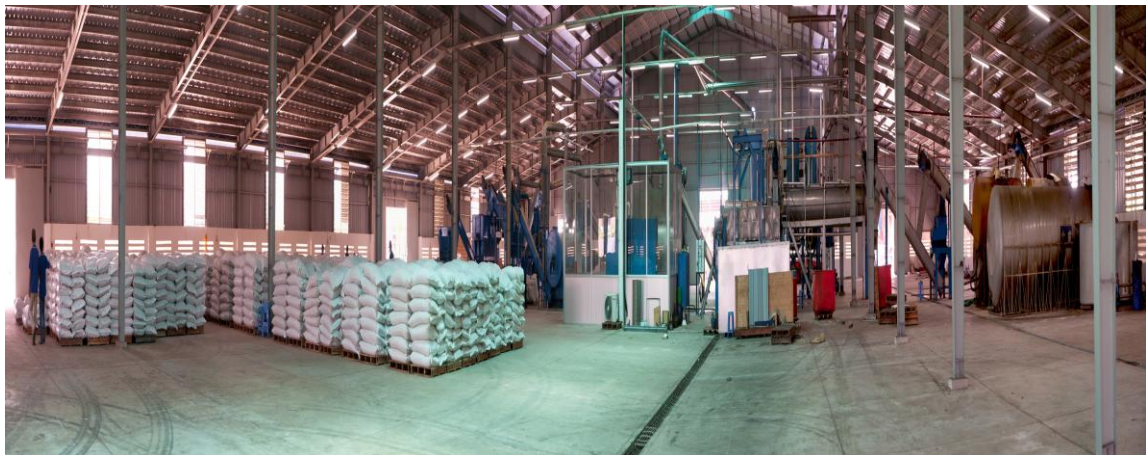
* Về đầu tư phát triển kinh doanh:

Nâng công suất hoạt động của nhà máy chế biến bột cá - mỡ cá.

Nhà máy bột-mỡ cá thu mua lượng phụ phẩm cá tra từ Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia. Đồng thời, nhà máy cũng thu mua thêm phụ phẩm cá tra từ các nhà máy chế biến cá fillet trong vùng để sản xuất. Sản phẩm chính của nhà máy là bột cá và mỡ cá. Hiện tại, nhà máy mới chỉ hoạt động với công suất khoảng 300 tấn nguyên liệu/ngày (công suất thiết kế là 390 tấn phụ phẩm/ngày). Năm 2016, Công ty Trisedco dự kiến sẽ nhập khẩu thêm dây chuyền sản xuất bột-mỡ cá, khi đầu tư hoàn thành thì công suất nhà máy sẽ được nâng lên 400 tấn nguyên liệu/ngày. Như vậy, với công suất này thì sẽ cho ra khoảng 88 tấn mỡ cá và 80

tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đảm bảo được khoảng 90% nhu cầu mỡ nguyên liệu cho nhà máy dầu cá (công suất giai đoạn 1 là 100 tấn mỡ cá/ngày).

Để đáp ứng cho nhu cầu dự trữ bột cá, Công ty cũng tiến hành đầu tư xây dựng mới kho chứa thành phẩm.



Đầu tư hoàn thiện nhà máy tinh luyện dầu cá và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất.

Nhằm gia tăng lợi thế hiện tại là cung cấp nguồn nguyên liệu chính cho Nhà máy tinh luyện dầu cá, sản xuất khép kín cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định nhận chuyển giao công nghệ cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua các Nghị quyết 01/BB-HĐQT ngày 03/02/2015 về việc mua lại Nhà máy dầu.

- Sau nhiều năm chuẩn bị để tham gia vào thị trường ngành dầu ăn và đưa Nhà máy dầu cá đi vào hoạt động, Công ty đã góp mặt vào thực đơn của hơn 90 triệu dân Việt Nam món dầu cá cao cấp hiệu Ranee. Đây không chỉ là hành động đột phá nâng cao chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và xuất khẩu cho Cá Tra Việt Nam, mà còn giúp Công ty có thêm dư địa tăng trưởng khi các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực và Cộng đồng Kinh tế ASEAN thành lập năm nay.

- Tuy các đối thủ cạnh tranh luôn phát triển nhiều sản phẩm mới, nhưng Công ty vẫn quyết tâm tham gia vào thị trường tiềm năng này, vì hiện tại chưa có doanh nghiệp nào trong và ngoài nước sản xuất dầu ăn tinh luyện từ mỡ Cá Tra. Trước đó, một số hãng chỉ mới chế biến dầu cá thành thực phẩm chức năng hoặc thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ em.

- Ngoài chất lượng sản phẩm cao, giá thành cạnh tranh, thương hiệu uy tín, hệ thống phân phối tiện lợi, Công ty tự tin vào những yếu tố tạo nên sự khác biệt giúp sản phẩm dầu Cá Tra có vị thế riêng, như nguồn nguyên liệu không phụ thuộc vào nước ngoài, giá thành hợp lý, sản phẩm dầu cá có mùi vị tự nhiên, hàm lượng chất dinh dưỡng cao, độ chịu nhiệt cao nên khi chiên dầu không bị cháy và màu dầu đẹp.

- Bên cạnh đó, qua đánh giá của Công ty thì vùng Đồng bằng sông Cửu Long mỗi năm cung cấp ra thị trường sản lượng mỡ Cá Tra không dưới 140.000 tấn nhưng được dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản, sản xuất dầu biodiesel và xuất khẩu thô với giá bán thấp. Trong khi đó, Việt Nam đang chi hàng tỷ USD mỗi năm để nhập khẩu dầu thực vật và nhu cầu này ngày càng gia tăng. Sản phẩm dầu cá Ranee sẽ là mắt xích vô cùng quan trọng kết nối hình thành chuỗi khép kín của quy trình nuôi trồng và chế biến cá Tra, Ba sa xuất khẩu.

Hình ảnh Nhà máy dầu cá:



Các sản phẩm dự kiến được sản xuất:

- Dầu lỏng (dầu dinh dưỡng trẻ em, dầu trộn, dầu ăn cao cấp);
- Dầu đặc (shortening).

Với việc tiếp nhận công nghệ này, nguồn mỡ cá tra Công ty sản xuất ra được tinh chế thành các thành phẩm có giá trị phục vụ thiết thực tới người tiêu dùng. Dự án nhà máy tinh luyện mỡ cá tra công ty IDI chuyển giao có công suất thiết kế 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động, cho ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày. Hiện tại, để đáp ứng cho nhu cầu trong nước cũng như đẩy mạnh xuất khẩu. Công ty tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền tinh luyện dầu cá để nâng công suất từ 100 tấn lên 200 tấn nguyên liệu/ngày.

Công ty từng bước đầu tư thêm dây chuyền sản xuất, đầu tư thêm máy móc trang thiết bị nhằm nâng cao công suất hoạt động của nhà máy, chủ động nguồn hàng để đáp ứng kịp thời

các đơn hàng bán nội địa cũng như xuất khẩu, đặc biệt là chủ động nguồn cung mỡ cá cho nhà máy dầu.



Dầu trẻ em



Dầu đặc

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Công ty TRISED CO luôn hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp. Luôn chấp hành tốt quy trình xử lý nước thải trong sản xuất. Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân.
- Công ty luôn nhận định, chiến lược phát triển chung của Công ty là luôn đi kèm với việc thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện. Vì vậy, trong thời gian tới công ty sẽ tiếp tục chia sẻ 1 phần lợi nhuận của mình cho các hoạt động mà công ty đã gắn bó: Đóng góp quỹ từ thiện vì người nghèo, , tham gia chương trình ăn tết với người nghèo...

Một số hình ảnh minh họa cho các hoạt động từ thiện, công ích xã hội





VI. CÁC RỦI RO

Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chế biến thức ăn thủy sản nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro sau đây:

6.1 Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2015, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và TRISED CO nói riêng. Như vậy, với tình hình lãi suất đang có xu hướng giảm nên sẽ phần nào giảm bớt gánh nặng lãi vay cho Công ty.

6.2 Rủi ro về luật pháp

- Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên TRISED CO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về luật pháp đối với ngành chế biến thủy sản không cao, do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, hệ thống luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh, thường xuyên có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3 Rủi ro do đặc thù ngành

6.3.1 Rủi ro nguyên liệu đầu vào:

Trước đây, nguồn nguyên liệu của Công ty chủ yếu là từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (“IDI”) - đơn vị thành viên trong Tập đoàn Sao Mai, nhờ đó nguồn nguyên liệu khá ổn định và luôn đảm bảo được chất lượng. Tuy nhiên, kể từ năm 2015, Công ty bắt đầu nâng công suất của nhà máy chế biến bột cá – mỡ cá, nên nguồn nguyên liệu từ IDI sẽ chỉ chiếm khoảng 70% tổng nhu cầu Công ty, 30% còn lại Công ty sẽ phải thu mua từ bên ngoài. Với sự chủ động này, nếu không có những biến động bất thường lớn thì rủi ro ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu đầu vào là không cao.

6.3.2 Rủi ro về thị trường tiêu thụ:

Dù là một doanh nghiệp mới hoạt động chỉ khoảng 08 năm trên thị trường chế biến bột cá, mỡ cá. Tuy nhiên TRISEDCO cũng đã nằm trong Top 5 các doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu bột cá tra lớn ở Việt Nam, có được điều này là do Công ty sử dụng máy móc thiết bị mới cũng như chất lượng và giá thành sản phẩm hợp lý. Sản phẩm bột cá do Công ty sản xuất được tiêu thụ khá tốt trong khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cũng như xuất khẩu sang các khách hàng ở Trung quốc, Nhật Bản.... Thị trường dầu cá vẫn là một thị trường rất lớn tại Việt Nam, với việc đưa Nhà máy sản xuất dầu cá vào hoạt động trong Quý 3 năm 2015 đáp ứng khoảng 3% trong tổng nhu cầu của thị trường tiêu thụ thì rủi ro về thị trường tiêu thụ của Công ty là rất nhỏ.

6.3.3 Rủi ro cạnh tranh

Sản phẩm bột cá là nguồn nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Tuy nhiên, nguồn cung bột cá trong nước vẫn còn hạn chế do công nghệ chế biến và cách bảo quản còn lạc hậu, đồng thời chịu sự cạnh tranh của bột cá nhập khẩu. Với chiến lược phát triển ngành chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đến năm 2020, xây dựng ngành chăn nuôi an toàn sinh học và bền vững trên cơ sở chủ động nguồn thức ăn chăn nuôi trong nước, giảm bớt sự phụ thuộc của việc nhập khẩu. Thời gian tới, dự kiến sẽ có sự tham gia nhiều hơn của các doanh nghiệp nội địa trong mảng sản xuất sản phẩm bột cá nhằm cung cấp cho thị trường thức ăn chăn nuôi đang có nhiều tiềm năng phát triển này.

Nhà máy sản xuất bột cá của TRISEDCO sử dụng công nghệ tiên tiến, phần lớn các thiết bị chính được nhập khẩu từ Thái Lan, Nhật, Ý... Nhà máy đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000:2005. Với mục tiêu cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao, Công ty luôn luôn duy trì chế độ kiểm soát chất lượng trong một chu trình khép kín từ khâu nghiên cứu sản phẩm cho đến khi sản phẩm đến tay người sử dụng. TRISEDCO cũng chủ động triển khai đồng bộ thêm các giải pháp để tăng khả năng cạnh tranh như: đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, tiết giảm chi phí bán hàng, nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác nghiên cứu, dự báo thị trường, thường xuyên rà soát, đánh giá hệ thống phân phối nhằm bổ sung, sàng lọc khách hàng phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH.

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tăng giảm so với năm 2014		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	343,98	1.000,22	657,25	313,27	91,07%	-342,96	-34,29%
Lợi nhuận sau thuế	11,14	50,09	21,36	10,22	91,80%	-28,72	-57,35%

➤ Doanh thu thuần năm 2015 giảm 342,96 tỷ đồng tương ứng với giảm 34,29% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do trong năm 2015, công ty dự kiến sẽ tiếp quản nhà máy dầu cá ngay từ quý 1/2015 cũng như khép khẩu thêm dây chuyền sản xuất bột cá-mỡ cá. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện có liên quan đến việc làm hồ sơ chuyển nhượng, cũng như thương thảo với nhà cung cấp nên việc chuyển nhượng diễn ra chậm hơn dự kiến. Bên cạnh đó, đến quý 3/2015 công ty mới nhận được giấy phép của Bộ nông nghiệp Trung quốc cho phép xuất khẩu bột cá trực tiếp vào thị trường Trung Quốc. Nhưng vào quý 4 năm 2015,

Chính phủ Trung Quốc lại đưa ra quyết định đóng cửa việc nhập khẩu bột cá trên thế giới. Chính những điều này, dẫn đến kế hoạch năm 2015 của Công ty đề ra không đạt được.

So với năm 2014 thì doanh thu thuần 2015 tăng 313,27 tỷ đồng tương ứng tăng 91,07%. Như vậy, sau hơn 6 năm hoạt động, tên tuổi Công ty đã tạo dựng được niềm tin đối với các đối tác trong và ngoài nước, bên cạnh khách hàng truyền thống, Công ty cũng chú trọng thiết lập mối quan hệ với các đối tác mới, nhờ đó các đơn hàng xuất khẩu của Công ty có sự tăng trưởng mạnh trong năm qua. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là bột cá tăng 38,88% so với năm trước, đây là hoạt động chính đóng góp chủ yếu lợi nhuận cho công ty.

Riêng thị trường trong nước thì bột cá bán mạnh cho các khách hàng: ANT(HN), Vĩnh Hoàn, Nghệ An, Lạng Sơn, TIS, Afiox, EWOS . . . Mỡ cá thì bán nhiều cho các khách hàng: Vĩnh Hoàn 1, Nhất Thành, Việt-Pháp, Hương Nam, An Hưng Phước, Việt Thành, An Phú Gia, IDI, An Quốc, Afiox, Tuấn Thành, GEKO, . . .

Ngoài ra, còn doanh thu từ các mặt hàng có giá trị gia tăng như đầu cá (*Lý Quốc Lâm*), bao tử cá (*CS Trật*), nước dịch cá (*Tâm Thành Long*), vây cá (*Lê Thị Thanh Loan*), ức cá (*Gia Hân, Lý Quốc Lâm, CS Nguyễn Quốc Việt*), bong bóng (*CS Huệ*) cũng chiếm một phần đáng kể trong doanh thu này.

► **Lợi nhuận sau thuế năm 2015 giảm 28,72 tỷ đồng tương ứng với giảm 57,35% so với kế hoạch.** Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng từ doanh thu bột cá và mỡ cá. Mặt khác là do kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra cho năm 2015 tương đối cao, tình hình kinh tế trong năm vẫn còn khó khăn, giá cá phụ phẩm nguyên liệu đầu vào tương đối cao, trong khi giá mỡ cá liên tục giảm trong thời gian dài.

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 10,22 tỷ đồng so với năm 2014, tương ứng với tăng 91,8%. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Hội Đồng Quản Trị công ty trong năm 2015. So với kế hoạch thì chúng ta mới chỉ đạt được gần 43%, một con số khiêm tốn. Nguyên nhân là do năm 2015 có sự sụt giảm đột ngột về giá mỡ cá, có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thương mại của Công ty. Nhận thấy tình hình giá mỡ cá có chiều hướng đi xuống, Hội đồng quản trị Công ty đã chủ động tạm thời giảm bớt hoạt động kinh doanh thương mại mỡ cá, tập trung chủ yếu vào hoạt động sản xuất phụ phẩm, sản xuất đầu cá.

** Về tình hình thực hiện đầu tư trong năm 2015 so với kế hoạch như sau:*

- Kế hoạch đầu tư thêm 1 dây chuyền sản xuất bột cá, mỡ cá đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 07/2015.

- Đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng nhà máy tinh luyện đầu cá từ Công ty IDI với công suất 100 tấn nguyên liệu/ngày.

II/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016

*** Triển vọng đối với ngành bột cá**

Trong triển vọng phát triển của ngành chế biến bột cá theo dự báo của FAO, sản phẩm bột cá Tra/Basa sẽ chính là xu thế lựa chọn mới và tiềm năng cho các nhà sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản. Đây chính là một cơ hội mới cho các đơn vị cung ứng nguyên liệu bột cá Tra/Basa trong nước. Không những vậy, việc suy giảm nguồn cung từ việc đánh bắt cá biển từ Peru (với hơn 80% thị phần xuất khẩu bột cá biển trên thế giới) cũng làm giảm đi rất nhiều khả năng cung ứng của dòng sản phẩm này trên thị trường, và cũng là tiền đề cho sản phẩm bột cá Tra/Basa đi lên và từng bước lấn dần sang thị phần bột cá lớn nhất thế giới là Trung Quốc với hơn 70% định mức tiêu thụ thức ăn gia súc của thế giới.

Trong thức ăn chăn nuôi thì bột cá được xem như là một trong những thành phần rất có giá trị. Nó có vị ngon và chất lượng rất tốt, cung cấp đủ protein với các axit béo thiết yếu giúp vật nuôi phát triển tốt. Tại Việt Nam, chỉ có khoảng hơn 40 công ty có các nhà máy chế biến bột cá rải rác từ Bắc đến Nam và rất nhiều doanh nghiệp dự kiến sẽ đầu tư nhà máy sản xuất

bột cá/mỡ cá để tận dụng được nguồn phụ phẩm từ cá tra. Do đó đây thực sự là một ngành rất tiềm năng và sẽ còn phát triển hơn nữa trong các năm tới.

*** Triển vọng đối với ngành dầu ăn**

Ngành dầu ăn được đánh giá là ngành triển vọng do nhu cầu tăng. Theo ước tính từ Euromonitor, ngành dầu ăn tăng khoảng 7% về sản lượng và khoảng 12% về giá trị trong năm 2013. Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Công nghiệp dự báo, tiêu thụ dầu ăn trên đầu người tại Việt Nam sẽ tăng gần gấp ba lần vào năm 2020.

Hiện nay, tại thị trường Việt Nam sản lượng tiêu thụ dầu ăn có nguồn gốc từ thực vật là chủ yếu, riêng đối với mảng dầu cá từ lâu đã được coi là một sản phẩm tốt cho mắt và tim mạch vẫn còn hạn chế do giá thành cao. Dầu cá phổ biến là dầu cá biển được trích từ mỡ cá hồi, cá ngừ, cá trích là các loại cá sống ở vùng biển lạnh và sâu. Tuy nhiên, nguồn cung nguyên liệu đầu vào để sản xuất dầu cá biển hiện nay đang gặp khó khăn do sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, đánh bắt quy mô thương mại dẫn đến mất cân bằng, làm nguồn nguyên liệu chế biến dầu cá biển dần bị hạn chế, đẩy giá thành sản phẩm dầu cá biển ngày một cao, cần thiết phải có một nguồn nguyên liệu khác thay thế.

Được xem là mặt hàng thủy sản xuất khẩu đứng thứ 2 của Việt Nam, với sản lượng cá Tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, sản lượng mỡ cá Tra thô thu được hàng năm hơn 140.000 tấn. Dầu ăn tinh luyện từ mỡ cá Tra, cá Basa không chứa cholesterol và chứa nhiều vitamin, các khoáng chất cần thiết tốt cho sức khỏe đồng thời đảm bảo các tiêu chí về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Sản phẩm dầu cá tinh luyện của TRISED CO theo kết quả nghiên cứu của Viện dinh dưỡng quốc gia cho thấy, dầu cá cao cấp RANEE có đầy đủ các dưỡng chất tự nhiên, có tính năng tương đồng với các sản phẩm dầu cá được chiết xuất từ cá biển phải nhập khẩu từ nước ngoài. Cụ thể, dầu cá cao cấp RANEE có nhiều thành phần dinh dưỡng tự nhiên thiết yếu cho cơ thể như: các axit béo không no, Omega 3, 6, 9, các thành phần khoáng vi lượng, vitamin E, EPA, DHA, ...ngoài ra, sản phẩm dầu cá RANEE có độ tinh khiết cao và được bổ sung vitamin A - đây là một ứng dụng mới, lần đầu tiên được áp dụng trong thực tế trên sản phẩm dầu ăn.

Sản phẩm dầu cá tinh luyện của TRISED CO là sản phẩm hoàn toàn mới được bán trên thị trường, nhưng đủ khả năng để cạnh tranh so với các loại sản phẩm dầu ăn thực vật, do hệ thống phân phối tiện lợi, sản phẩm giàu dinh dưỡng và chất lượng cao, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào trong nước nên giá thành hợp lý, kết hợp với chiến lược Marketing phù hợp sẽ góp phần giúp Công ty đẩy mạnh sản phẩm dầu cá tinh luyện ra thị trường trong thời gian tới, cũng như dần thay đổi thói quen của người tiêu dùng trong việc lựa chọn sử dụng dầu ăn tinh luyện từ dầu thực vật sang dầu cá tinh luyện.

**Trên những cơ sở trên, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2015 như sau:*

+ Nhanh chóng khai thác tốt nguồn vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy. Đồng thời triển khai nhanh chóng việc xây dựng mới kho chứa thành phẩm bột cá nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, nhập thêm dây chuyền sản xuất bột cá, phục vụ cho việc nâng công suất nhà máy bột cá, mỡ cá của Công ty.

+ Tiếp tục đầu tư nâng công suất nhà máy dầu cá lên 200 tấn nguyên liệu/ngày, đồng thời xây dựng thương hiệu dầu ăn của Công ty và giữ vững vị trí dẫn đầu là nhà sản xuất dầu cá nước ngọt lớn nhất.

+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sang Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ... thông qua các hội chợ và chương trình xúc tiến thương mại.

+ Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực theo chiều sâu.

+ Tăng vốn điều lệ để nâng tỷ lệ vốn tham gia vào các kế hoạch đầu tư chuẩn bị triển khai nhằm để đảm bảo tỷ lệ an toàn, đảm bảo tình hình tài chính của công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch	
				Tăng/giảm	tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	658.856.437.387	344.228.040.576	314.628.396.811	91,40%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.604.155.884	246.365.257	1.357.790.627	551,13%
3	Doanh thu thuần	657.252.281.503	343.981.675.319	313.270.606.184	91,07%
4	Giá vốn hàng bán	606.331.156.936	319.923.695.755	286.407.461.181	89,52%
5	Lợi nhuận gộp	50.921.124.567	24.057.979.564	26.863.145.003	111,66%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.849.579.421	10.999.732.401	(3.150.152.980)	-28,64%
7	Chi phí tài chính	17.763.191.215	13.425.814.104	4.337.377.111	32,31%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	14.457.591.346	12.842.145.936	1.615.445.410	12,58%
8	Chi phí bán hàng	9.026.654.470	4.405.896.798	4.620.757.672	104,88%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.064.316.172	4.617.021.918	2.447.294.254	53,01%
10	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	24.916.542.131	12.608.979.145	12.307.562.986	97,61%
11	Thu nhập khác		534.557	(534.557)	
12	Chi phí khác	57.874.083	131.379.002	(73.504.919)	-55,95%
13	Lợi nhuận khác	(57.874.083)	(130.844.445)	72.970.362	-55,77%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.858.668.048	12.478.134.700	12.380.533.348	99,22%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.497.851.862	1.341.267.422	2.156.584.440	160,79%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.360.816.186	11.136.867.278	10.223.948.908	91,80%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2015)

* *Doanh thu thuần*: Năm 2015 đạt 657,2 tỷ đồng, tăng 91,07% tương đương tăng 313,2 tỷ đồng so với năm 2014, nguyên nhân là do công ty đưa thêm 1 dây chuyền sản xuất bột cá, mỡ cá vào hoạt động, tiếp nhận thêm nhà máy đầu cá, chính điều này đã làm cho năng suất sản xuất của Công ty tăng thêm. Với tốc độ tăng trưởng nhanh về doanh thu, cho thấy công ty có những chính sách bán hàng và mở rộng thị trường hợp lý. Có được kết quả này là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành trong việc đầu tư mở rộng sản xuất cũng như đã đề ra nhiều chính sách linh hoạt trong việc bán hàng. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành, nhưng với tốc độ tăng 91,07% về doanh thu sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng tốc độ tăng trưởng doanh thu sẽ còn nhanh hơn nữa khi nền kinh tế phục hồi.

* *Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp*: Tốc độ tăng trưởng của giá vốn hàng bán 89,52% chậm hơn tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Năm 2014, giá vốn và lợi nhuận gộp đều sụt giảm so với năm 2013.

* *Lợi nhuận sau thuế*: Năm 2015 đạt 21,36 tỷ đồng, tăng 91,8% tương đương tăng 10,22 tỷ đồng so với năm 2014. Do công ty đẩy mạnh phát triển thị trường xuất khẩu bột cá và mỡ cá trong năm 2015.

1.2 Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn =(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,43	2,28
	Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,29	1,96
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	49,2%	46,4%
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	97,0%	86,5%
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho = (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	18,9	17,1
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,1	1,2
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,24%	3,25%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	6,52%	7,09%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	3,43%	3,74%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	3,67%	3,79%

Nhận xét:

➤ *Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:*

- Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Qua bảng số liệu trên có thể thấy Hệ số thanh toán Nợ ngắn hạn của Công ty khá tốt qua các năm và đều lớn hơn 1. Cụ thể, Hệ số thanh toán Nợ ngắn hạn của Công ty lần lượt là 1,43 lần trong năm 2014; 2,28 lần trong năm 2015.

- Hệ số thanh toán nhanh năm 2015 đã có sự cải thiện đáng kể so với năm 2014, đạt 1,96 lần so với 1,29 lần trong năm 2014.

➤ Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm 2,8%, từ 49,2% năm 2014 giảm xuống 46,4% trong năm 2015.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm 10,5%, từ 97% năm 2014 xuống 86,5% trong năm 2015.

- Về cơ cấu tài sản công ty thay đổi theo hướng tỉ trọng tài sản ngắn hạn có xu hướng giảm nhẹ. Tỉ trọng tài sản ngắn hạn năm 2014 là 49,2%, đến năm 2015 là 46,4%. Trong đó, chủ yếu giảm tỉ trọng các khoản phải thu ngắn hạn, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Trong khi tỉ trọng hàng tồn kho, tỉ trọng tài sản ngắn hạn khác và tỷ trọng dự trữ tiền mặt tăng.

➤ Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Chỉ số về vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm trong năm 2015, mặc dù trong năm Công ty gia tăng bán hàng (giá vốn hàng bán tăng), hàng hóa trong kho luân chuyển nhanh, nhưng để đảm bảo ổn định nguồn cung cấp nguyên liệu cho nhà máy dầu cá nên lượng hàng tồn kho cần duy trì tăng 3 lần so với hàng tồn kho cuối năm trước.

- Chỉ số vòng quay tài sản đo lường khả năng doanh nghiệp tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng tài sản của Công ty, chỉ số này tăng nhẹ từ 1,1 năm 2014 lên 1,2 năm 2015 do doanh thu của Công ty tăng.

➤ Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty

- Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty trong năm 2015 có sự tăng nhẹ do tốc độ tăng doanh thu của Công ty 91,07%, trong khi giá vốn hàng bán tăng 89,52% so với cùng kỳ năm trước; chi phí bán hàng tăng 104,88% và tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp là 53,01% làm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 97,61% và lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 91,8% so với năm 2014.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế tăng làm các nhóm chỉ tiêu sinh lợi cao hơn so với năm 2014.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

▪ Xu hướng mới của thị trường khi chuyển qua sử dụng bột cá Tra/Basa của các đơn vị sản xuất thức ăn gia súc với chất lượng ngày càng cải tiến, sản lượng luôn đảm bảo và độ tin cậy cao từ các sản phẩm của Nhà máy TRISEDCO.

▪ Vị trí địa lý tại khu vực lân cận Công ty TRISEDCO có sự xuất hiện của rất nhiều nhà máy chế biến thủy sản cá Tra/Basa, và đây là trung tâm của cả nước cho ngành nghề sản xuất và chế biến cá Basa. Nên đây chính là điều kiện tiên quyết trong việc đảm bảo nguồn cung nguyên liệu có giá trị cao cho Công ty.

▪ Công ty qua một quãng thời gian đi vào hoạt động, đã tự đào tạo cho mình những cán bộ kỹ thuật công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm. Kết hợp với đó là việc đưa vào sử dụng máy móc, linh kiện, thiết bị tiên tiến và hiện đại nhất của thế giới đã giúp Công ty TRISEDCO khẳng định mình là đơn vị sản xuất các sản phẩm có chất lượng cung ứng cho nhu cầu ngày càng cao của các đơn vị sản xuất khác trong và ngoài nước.

- Sự đóng góp tích cực, chỉ đạo kịp thời và sự đồng lòng của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc, Bộ phận lãnh đạo nhà máy và các Phòng ban trong Công ty luôn đảm bảo cho việc điều hành hiệu quả.

- Công ty có đội ngũ công nhân viên lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Cùng với việc áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đã giúp Công ty ngày càng có vị thế trong mắt khách hàng.

Khó khăn

- Bên cạnh những thuận lợi trên, kinh tế thế giới và Việt Nam trải qua nhiều biến động, nhu cầu tiêu dùng ở các khu vực vẫn chưa phục hồi.

- Hệ thống giao thông vận chuyển tại địa bàn tỉnh An Giang và các khu vực lân cận không đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa tải trọng cao (đặc biệt là cầu tải trọng thấp và mất nhiều thời gian hơn khi sử dụng vận tải phà) và thông suốt.

- Chi phí cho dịch vụ giao thông vận tải bằng đường bộ trong nước còn cao, nên đã phần nào đã làm tăng giá trị hàng hóa bán ra và làm mất đi phần nào tính cạnh tranh của các sản phẩm.

- Ngoài ra, tác động của việc biến đổi khí hậu ảnh hưởng không nhỏ đến vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, gây khó khăn cho ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản – là nguồn cung nguyên liệu chủ yếu cho nhà máy chế biến bột và mỡ cá tra.

- Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các Công ty sản xuất bột – mỡ cá tra, các nhà máy ngày càng cải tiến công nghệ để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Ngày càng có nhiều nhà máy sản xuất bột – mỡ cá tra, do sản phẩm đang là mặt hàng được sử dụng rộng rãi, thay thế cho bột cá biển có giá thành cao.

II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị







Hoạt động kinh doanh của Công ty là mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; sản xuất, chế biến phụ phẩm từ cá Tra, cá Basa có chất lượng cao và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Bắt đầu từ năm 2014, Công ty xác định mảng sản xuất bột cá và mỡ cá là mảng kinh doanh chính của Công ty, ngoài ra còn có bao tử cá, bong bóng cá, da cá, dè cá... được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Các sản phẩm của Công ty được chấp nhận rộng rãi trên thị trường trong nước và quốc tế, và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm HACCP và ISO 9001-22000.

Hàng năm, Công ty tiêu thụ được khoảng 22.300 tấn sản phẩm các loại; trong đó, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu là bột cá, mỡ cá.

Sản lượng sản xuất bột cá, mỡ cá liên tục tăng trưởng qua các năm, góp phần đẩy mạnh doanh thu của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm chính của TRISED CO

	
<p style="text-align: center;">Bột Cá</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam Loại cá: cá Tra Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)/ bao nhựa Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng Tiêu chuẩn: Độ đậm 58-60%, độ ẩm (%) 10 max, Tro (%) 25 max, độ tươi (%) 50 max, chất béo (%) 12 max</p>	<p style="text-align: center;">Mỡ Cá Thô</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam Loại cá: cá Tra Qui cách đóng gói: 193kg / thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng Tiêu chuẩn: Acid (mgKOH/g) 3% max, Iodine (gI₂/100g) 80max</p>
	
<p style="text-align: center;">Bong Bóng Tươi</p>	<p style="text-align: center;">Bao Tử Cá</p>
<p>Sản Phẩm Khác</p>	
	
<p style="text-align: center;">Ức Cá, Vây Cá</p>	<p style="text-align: center;">Sản phẩm bong bóng</p>

Sản phẩm mới của Công ty:

Sau khi việc chuyển giao Nhà máy chế biến dầu cá hoàn tất, Công ty đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới, đó là sản phẩm dầu cá tinh luyện với thương hiệu RANEE. Đây sẽ là sản phẩm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh sắp tới của TRIDSEDCO, dự báo sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới.



Nguyên liệu chế biến dầu cá

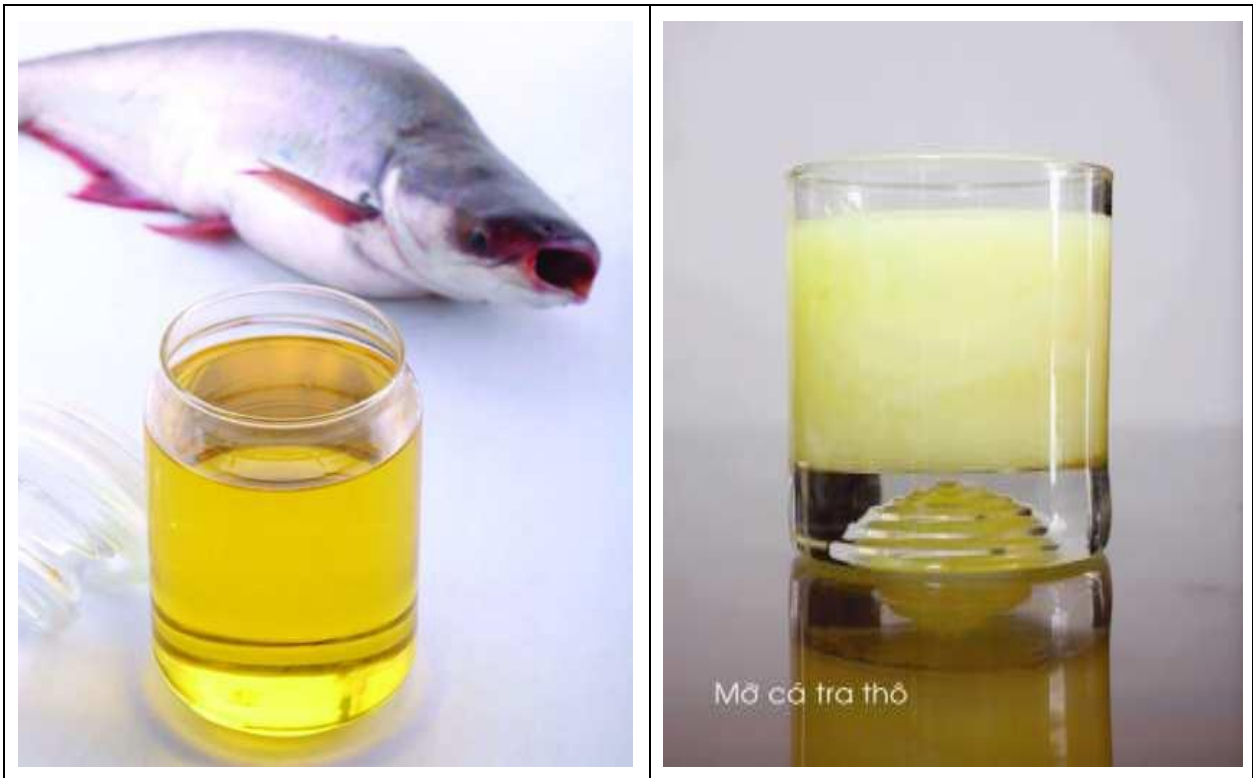
Nguồn nguyên liệu chế biến Dầu cá trước giờ chủ yếu là từ các loại cá biển như cá Trích, cá Hồi, cá Thu, cá Tuna. Đây là các loại cá sống ở vùng biển lạnh và sâu, chất lỏng lấy từ mỡ các loại Cá này ở nước ta quen gọi là dầu gan cá thu hay dầu cá thiên nhiên.

Dầu cá đặc biệt là cá biển rất giàu các PUFA, đặc biệt là nhóm omega-3 như: acid eicosapentaenoic (EPA) và acid docosahexaenoic (DHA), các axit béo không no đa nối đôi n-3 (n-3 PUFA) được xem là có vai trò quan trọng đối với sức khỏe.

Tuy nhiên, hiện nay sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang xảy ra khắp hành tinh, thêm vào đó sự đánh bắt quy mô thương mại diễn ra khắp toàn cầu, do đó nguồn nguyên liệu chế biến từ Dầu cá biển dần bị mất đi, giá thành sản phẩm ngày một cao, cần thiết phải có một nguồn nguyên liệu khác thay thế.

Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá Tra dồi dào mà không một quốc gia nào có được. Với sản lượng cá Tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, thì lượng dầu (mỡ) cá Tra thô thu được ít nhất là 140.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá Tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá Tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Chính vì

vậy, việc chế biến dầu cá từ phụ phẩm cá nước ngọt mà chủ yếu là cá Basa, cá Tra là một giải pháp thay thế vô cùng hợp lý.



○ Công dụng của DHA trong dầu cá tự nhiên

DHA là một Acid Béo không no cần thiết cho sự hoàn thiện Hệ Thần Kinh, đặc biệt là thị giác. Ở người lớn, nó có tác dụng giảm Triglyceride Máu và Cholesterol xấu, giúp dự phòng xơ vữa động mạch, nhồi Máu cơ Tim. DHA có tên gọi đầy đủ là Docosa Hexaenoic Acid, một Acid Béo thuộc nhóm Omega-3. Đây là một chất rất quan trọng nhưng cơ thể không tự tổng hợp được mà phải đưa vào từ nguồn thực phẩm

○ Lợi ích của dầu cá

- ✓ Giảm đau và Viêm sưng;
- ✓ Cải thiện tinh thần;
- ✓ Bảo vệ Tim và tránh Đột Quy;
- ✓ Tốt cho hệ Thần Kinh, giúp cải thiện trí nhớ và tăng khả năng tập trung;
- ✓ Ngừa Ung Thư;
- ✓ Tốt cho Tim Mạch;
- ✓ Tốt cho Mắt;
- ✓ Da khoẻ đẹp.

○ Sản phẩm dầu cá RANEE

Theo kết quả nghiên cứu của Viện dinh dưỡng quốc gia cho thấy, dầu cá cao cấp RANEE có đầy đủ các dưỡng chất tự nhiên có tính năng tương đồng với các sản phẩm dầu cá được chiết xuất từ cá biển phải nhập khẩu từ nước ngoài. Mặt khác, Dầu cá cao cấp Ranee còn có độ tinh khiết rất cao và được bổ sung vitamin A - đây là một ứng dụng mới, lần đầu tiên được áp dụng trong thực tế trên sản phẩm dầu ăn.

Dầu cá cao cấp RANEE còn có nhiều thành phần dinh dưỡng tự nhiên rất bổ dưỡng và quý giá đối với sức khỏe con người như các axit béo không no, Omega 3, 6, 9, các thành phần khoáng vi lượng, vitamin E, EPA, DHA rất tốt cho sức khỏe.

Mặc dù đây là sản phẩm hầu như là mới hoàn toàn được bán trên thị trường, nhưng sẽ có đủ khả năng để cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm so với các loại sản phẩm dầu ăn thực vật bởi vì đây là sản phẩm giàu dinh dưỡng và có chất lượng cao. Hiện tại vẫn chưa có bất kỳ đối thủ cạnh tranh nào có cùng công nghệ sản xuất để có thể đưa ra những sản phẩm tương tự dầu cá RANEE của Công ty ra thị trường dầu ăn.

Bên cạnh đó công ty còn sản xuất ra mặt hàng dầu cá dành riêng cho trẻ em, giúp trẻ phát triển tốt hơn.



Năm 2015, nguồn nguyên liệu chủ yếu của TRISEDCO là phụ phẩm cá tra để phục vụ cho sản xuất chế biến bột cá - mỡ cá. Cụ thể được lấy từ:

STT	Tên công ty	Số lượng	Giá trị (VND)
1	Công ty CP ĐT & PT Thủy Sản Đa Quốc Gia IDI	10.269.057	70.713.245.100
2	Công ty TNHH MTV KĐ & ĐT Toàn Cầu	18.596.307	121.229.063.027
3	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	2.965.245	20.163.666.000
4	Công ty TNHH Hữu Thành	3.772.600	27.286.123.731
5	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Dung	674.690	4.867.183.766
TỔNG CỘNG		36.277.899	244.259.281.624

Các sản phẩm phụ được bóc tách riêng để bán trước khi đưa vào sản xuất như:

STT	Sản phẩm phụ	Số lượng	Giá trị (VND)
1	Bong bong	531.514,2	21.505.616.572
2	Bao tử	240.709,9	6.107.413.704
3	Vây cá	109.329,4	1.410.313.923
4	Ức cá	444.754	6.184.324.686
5	Nước dịch	1.647.500	1.318.000.000
6	Đầu cá	571.428,1	5.939.773.411

***Sản phẩm chính (bột cá - mỡ cá ở dạng thô nguyên chất) từ phụ phẩm cá tra sau khi đưa vào sản xuất và thu hồi được như:**

=> **Bột cá thô :**

- Bột cá sx : 6.114.374 kg.
- Mua ngoài: 4.349.059 kg.
- Nhập kho :10.463.433 kg.
- Xuất bán : 9.691.245 kg.
- Xuất khẩu: 6.682.592 kg, giá trị là 8.100.205,96 USD ≈ 176.104.816.364 VND.

=> **Mỡ cá thô :**

- Mỡ cá sx : 7.787.115 kg.
- Mua ngoài: 11.016.646 kg.
- Nhập kho : 18.803.761 kg
- Xuất bán : 18.216.111 kg
- Xuất khẩu : không có.

=> Tổng doanh thu xuất khẩu năm 2015 đạt 8.100.205,96 USD ≈ 176.104.816.364 VND (tỷ giá b/q 21.740 VND/USD).

***Về cơ cấu doanh thu thuần:**

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Doanh thu	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(ĐVT: đồng)	%	(ĐVT: đồng)	trọng %
1. Bột cá	165.147.324.965	48,01	255.545.886.278	38,88
2. Mỡ cá	140.220.683.846	40,76	169.335.269.068	25,76
3. Các sản phẩm phụ	38.613.666.508	11,23	42.465.442.297	6,46
4. Dầu cá	-	-	118.061.230.769	17,96
5. Khác	-	-	71.844.453.091	10,93
TỔNG CỘNG	343.981.675.319	100,00	657.252.281.503	100,00

Theo bảng cơ cấu doanh thu thuần, ta thấy các chỉ số của năm 2015 so với năm 2014 đều tăng về giá trị (cụ thể doanh thu từ bột cá năm 2015 đạt 255,54 tỷ đồng tăng 90,39 tỷ đồng so với năm 2014, doanh thu từ mỡ cá năm 2015 đạt 169,33 tỷ đồng tăng 29 tỷ đồng so với năm 2014), doanh thu dầu cá đạt 118 tỷ đồng. Có được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của của HĐQT và ban điều hành công ty đã có kế hoạch đầu tư bài bản, xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, tạo động lực khích lệ tập thể công ty, khích lệ phòng kinh doanh nỗ lực tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị phần tiêu thụ sản phẩm cả trong nước cũng như ngoài nước.

*** Về cơ cấu chi phí:**

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN

Giá vốn	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(ĐVT: đồng)	%	(ĐVT: đồng)	trọng %
1. Bột cá	134.257.181.592	41,97	211.882.409.138	34,94
2. Mỡ cá	147.052.847.655	45,96	193.695.881.074	31,95



3. Các sản phẩm phụ	38.613.666.508	12,07	42.465.442.297	7,00
4. Dầu cá		-	111.931.146.572	18,46
5. Khác	-	-	46.356.277.855	7,65
TỔNG CỘNG	319.923.695.755	100,00	606.331.156.936	100,00

Trong cơ cấu chi phí giá vốn năm 2015, tỷ trọng giá vốn về bột cá, mỡ cá giảm nhẹ so với năm 2014: cụ thể năm 2014 chiếm 87,9% trên tổng chi phí giá vốn, năm 2015 chiếm 66,9% trên tổng chi phí giá vốn. Bên cạnh đó, hoạt động dầu cá có bước tăng trưởng khích lệ chiếm 18,46% tỷ trọng giá vốn, tỷ trọng giá vốn còn lại hoạt động kinh doanh còn lại chỉ chiếm 14,65 %. Điều này, thể hiện sự đa dạng hóa của công ty vào các mảng sản xuất để bắt kịp nhu cầu của thị trường.

2.2 Nguồn nguyên vật liệu

2.2.1 Nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn phụ phẩm từ cá Tra và cá Basa. Nguồn nguyên liệu được lấy 100% từ các Nhà máy và Công ty trong nước.

Việc lựa chọn nhà cung cấp là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm. Do đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên liệu trong thị trường nội địa, và đặc biệt là các khu vực lân cận Nhà máy TRISEDCO với các nhà máy đông lạnh thủy sản khai thác từ nguồn cá Tra/Basa.

Trong bán kính 20 km tính từ khu vực Nhà máy TRISEDCO tại khu vực hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp với hơn 30 nhà máy chế biến thủy sản cá Tra/Basa đông lạnh, Công ty luôn tìm được nguồn cung ứng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất với số lượng dồi dào và ổn định trong các thời điểm của năm.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu mang tính thời điểm

STT	Tên Nhà cung cấp	Mặt hàng
1	Công ty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	Phụ phẩm các tra/basa
2	Công ty Cổ phần Thủy Sản An Phú	Phụ phẩm các tra/basa
3	Công ty Cổ phần Thủy Sản Bình Minh	Phụ phẩm các tra/basa
4	Công ty TNHH Hùng Cá	Phụ phẩm các tra/basa
5	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Dung	Phụ phẩm các tra/basa

Nguồn: TRISEDCO

2.2.2 Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất tại Nhà máy TRISEDCO luôn luôn là một yếu tố mang tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Nhà máy. Mang tính chủ động hơn với nguồn cung ứng chủ yếu từ nguồn phụ phẩm cá Tra/Basa từ Nhà máy đông lạnh thủy sản IDI là đơn vị trong Tập Đoàn Sao Mai, với vùng nuôi khép kín và luôn đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng. Nguồn cung cấp nguyên liệu phục vụ sản xuất từ Công ty IDI chính là yếu tố tác động mạnh mẽ nhằm tăng thêm tính cạnh tranh cho các mặt hàng, hàng hóa sản xuất của Công ty TRISEDCO với mức giá cung ứng mang tính cạnh tranh.

Sản phẩm mỡ cá thô được sản xuất từ phụ phẩm cá Tra/cá Basa sẽ được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm dầu cá tinh luyện. Có thể nói đây là một quy trình sản xuất khép kín và sẽ đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy dầu cá

Với địa thế và vị trí là trung tâm của các nguồn sản xuất và cung ứng các sản phẩm cá Tra/Basa tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, và cũng là khu vực có số lượng cung ứng

nhiều nhất cả nước. Quanh năm, TRISED CO luôn có được một nguồn cung ứng dồi dào về mặt số lượng, và các nguồn nguyên liệu cung cấp luôn đạt được độ tươi rất cao với khoảng cách vận chuyển không quá 30 phút. Thì đây chính là hai yếu tố tác động rất lớn cho tính cạnh tranh của các sản phẩm của Nhà máy TRISED CO khi so sánh với các đơn vị, nhà máy trong các khu vực lân cận.



Phụ phẩm cá

Bột cá

2.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Biến động giá cả nguyên vật liệu phụ phẩm từ cá Tra/Basa luôn tác động trực tiếp đến doanh thu của Nhà máy. Nhưng không vì thế mà yếu tố này tác động đến lợi nhuận trực tiếp của Công ty vì:

Thứ nhất là hiện nay bột cá Tra/Basa đang chính là xu thế mới khi đang thay thế dần bột cá biển trên thị trường do chất lượng bột cá không chỉ đảm bảo về độ tươi mà còn đảm bảo về tính đồng đều của sản phẩm với hàm lượng dinh dưỡng tương đồng, nguồn cung bột cá Tra/Basa dễ kiểm. Nên các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản hiện nay đang dần chuyển sang sử dụng bột cá Tra/Basa, do đó giá thành của bột cá Tra/Basa có xu hướng tăng do nhu cầu sử dụng tăng của thị trường.

Thứ hai là đối với thị trường bột cá biển luôn chịu tác động trực tiếp từ nguồn cung nguyên liệu theo các mùa vụ đánh bắt. Nhưng đối với con cá Tra/Basa có một nguồn cung dồi dào và quanh năm. Do đó, tính ổn định cao của giá nguyên liệu và sản lượng cá Tra/Basa tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã đáp ứng được sự đòi hỏi của các nhà sản xuất bột cá Tra/Basa trong lộ trình xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh.

Thứ ba là đối với sản phẩm dầu cá, nguyên vật liệu chủ yếu được cung cấp bởi dây chuyền sản xuất bột cá/mỡ cá từ chính Công ty, đây chính là một dây chuyền sản xuất khép kín. Với nhà máy sản xuất bột cá/mỡ cá hiện có thì dự báo giá cả nguyên vật liệu sẽ không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu của Công ty.

Bên cạnh đó qua hơn 6 năm hoạt động, Công ty TRISED CO đã có được các nhà cung cấp thân tín, và tạo dựng được thương hiệu nhờ các yếu tố làm nền tảng chất lượng, giá thành, và luôn đảm bảo uy tín khi hợp tác. Nhờ đó đã tạo sự tin tưởng ở cả hai phía người bán và người mua. Đối với các khách hàng lâu năm và thân tín, Công ty TRISED CO chủ động chia sẻ khó khăn đối với các đối tác và ngược lại, do đó đã hình thành nên tính gắn kết vững chắc giữa các bên. Chính vì điều này, TRISED CO đã tự tạo cho mình sự tin cậy cao từ phía các doanh nghiệp khác trên thị trường và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài về sau của Công ty TRISED CO.

2.3 Chi phí sản xuất

CƠ CẤU CHI PHÍ

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2015		NĂM 2014	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	606.331.156.936	94,70%	319.923.695.755	93,41%
2	Chi phí tài chính	17.763.191.215	2,77%	13.425.814.104	3,92%
3	Chi phí bán hàng	9.026.654.470	1,41%	4.405.896.798	1,29%
4	Chi phí QLDN	7.064.316.172	1,10%	4.617.021.918	1,35%
5	Chi phí khác	57.874.083	0,01%	131.379.002	0,04%
Tổng chi phí:		640.243.192.876	100%	342.503.807.577	100%

- Năm 2015, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên tổng chi phí là 94,70% tương ứng với lợi nhuận gộp là 50,9 tỷ đồng và có xu hướng tăng so với năm 2014 là 93,41% tương ứng với lợi nhuận gộp là 24 tỷ đồng. Do công ty đã quyết liệt trong việc tăng doanh thu 6 tháng cuối năm, nên tỷ trọng giá vốn hàng bán năm 2015 là 94,7% tăng so với năm 2014 là 93,41%.

- Bên cạnh chi phí tài chính và chi phí quản lý giảm nhẹ, thì chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí của công ty có chiều hướng tăng nhẹ. Cụ thể, tỷ lệ chi phí bán hàng trên tổng chi phí từ 1.29% trong năm 2014 tăng lên 1,41% trong năm 2015.

- Về chi phí khác thì tỷ trọng năm 2015 là 0,01% giảm nhẹ so với năm 2014 là 0,04% tương ứng giảm 0,08 tỷ đồng.

- Trong thời gian tới, bên cạnh kế hoạch gia tăng doanh thu từ mảng sản xuất bột cá, mỡ cá, sản xuất dầu cá, Ban tổng giám đốc cũng chỉ đạo kiên quyết trong việc bán hàng là không để xảy ra tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn quá lâu và quá nhiều. Đồng thời tăng cường kiểm soát, cải tiến kỹ thuật và thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất nhằm hạn chế các chi phí phát sinh.

BIỂU MẪU ÁP DỤNG

STT	Tên gọi	Ký hiệu	Nơi lưu trữ hồ sơ	Thời gian lưu hồ sơ
1.	Hợp đồng mua bán hàng hóa	TT5.6/KD1-BM2	Các phòng, ban	Tới khi không sử dụng
2.	Lệnh xuất hàng	TT6.2/KD1-BM2	Các phòng, ban	3 năm
3.	Phiếu nhập kho	TT5.6.1/KD2-BM6	BPK	Tới khi không sử dụng
4.	Giấy đề nghị cấp vật tư	TT5.6.1/KD2-BM7	BPK	Tới khi không sử dụng
5.	Phiếu xuất kho		Kế toán	
6.	Báo cáo xuất nhập tồn		Kế toán, BPK	

2.4 Trình độ công nghệ

2.4.1 Nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá

Nhà máy sản xuất bột cá của TRISED CO sử dụng công nghệ tiên tiến, phần lớn các thiết bị chính được nhập khẩu từ Thái Lan, Nhật, Ý. Nhà máy đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000:2005. Hiện tại, Nhà máy đang chạy 3 dây chuyền gồm 1 dây chuyền nhập khẩu của Thái Lan, 1 dây chuyền nhập khẩu của Trung Quốc và 1 dây chuyền do Công ty Quang Huy BK lắp ráp với công suất thiết kế tổng cộng là 390 tấn nguyên liệu/ngày. Công ty TRISED CO

sẽ tiếp tục đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất chế biến bột cá, mỡ cá, dự kiến trong năm 2016 sẽ đi vào hoạt động chính thức, góp phần nâng tổng công suất của Nhà máy lên 350 tấn/ngày.

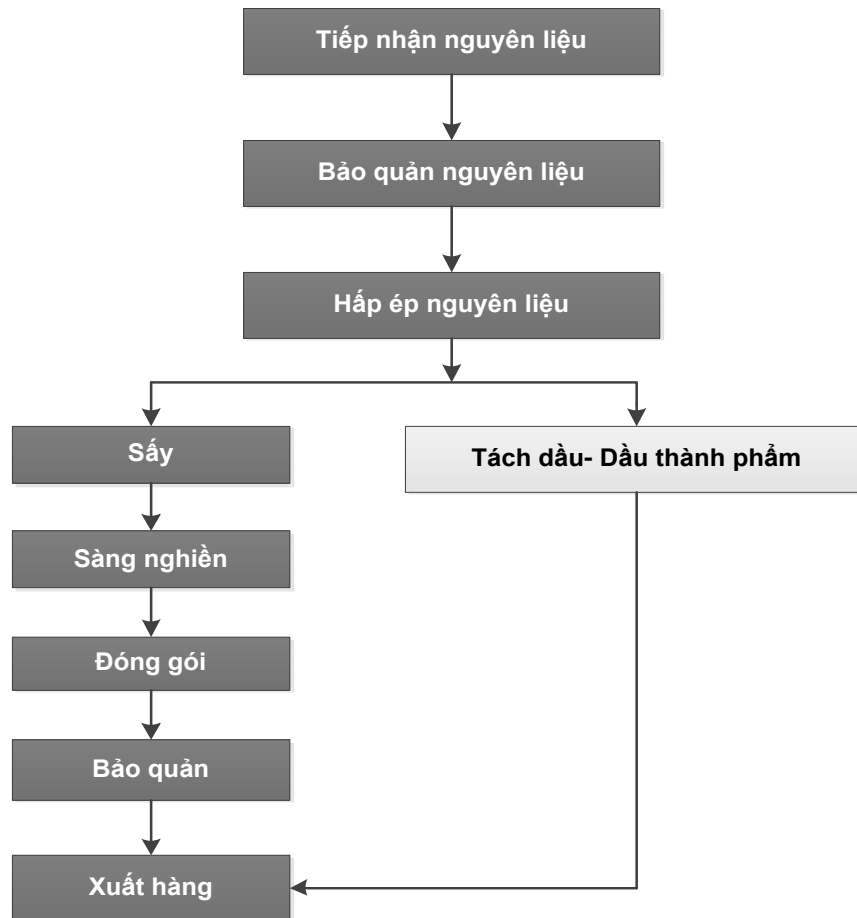
Một số máy móc thiết bị chính của Công ty

TT	Thiết bị	SL	Công suất / Mô tả	Xuất xứ
1	Dây chuyền ASTW OFP20 Thái Lan	1	120 tấn/ngày	Thái Lan
2	Hệ thống khí nén nitơ	1	100Kwh	Nhật, Ý
3	Máy phát điện 100 KVA và 500 KVA	1	500/550kVA	Đức
4	Máy li tâm ba pha	2	12m ³ /h/máy	Singapore
5	Lò hơi đốt củi trấu (trấu ép)	2	Q=8.000kg/h/1 lò, P=10k/cm ²	Việt Nam
6	Hệ thống lò hơi trấu rời	2	4.000kg/giờ	Việt Nam
7	Bồn dầu	10	100 tấn mỡ/bồn	Việt Nam



Hình ảnh một số máy móc thiết bị chính của Nhà máy bột cá/mỡ cá

Quy trình công nghệ sản xuất bột cá/mỡ cá



Nguồn: TRISED CO

Mô tả quy trình:

❖ **Tiếp nhận nguyên liệu:**

Nguyên liệu được kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn và kiểm tra các hồ sơ liên quan như giấy cam kết của nhà cung ứng không sử dụng kháng sinh cấm sau đó được vận chuyển về khu tiếp nhận.

Tại khu tiếp nhận, nguyên liệu được xác định tính chất, chất lượng và cân nguyên liệu để làm cơ sở cho việc tính toán tỷ lệ chế biến và làm số liệu thanh toán mua bán sau này.

❖ **Bảo quản nguyên liệu:**

Trường hợp nguyên liệu chưa đưa vào sản xuất ngay phải được bảo quản lạnh. Quá trình bảo quản mục đích để nguyên liệu không bị hư hỏng, không ảnh hưởng tới chất lượng thành phẩm và độ an toàn của sản phẩm.

❖ **Hấp - ép nguyên liệu:**

Nguyên liệu sau khi phối trộn đều nhờ vít tải đưa lên máy chặt. Tại đây nguyên liệu được chặt làm các phần nhỏ và đưa lên bồn chứa trước khi vào máy hấp.

Nguyên liệu được hấp trong hệ thống máy hấp duy trì áp suất từ 4.5÷6kg/cm² trong thời gian từ 20-25 phút. Sau hấp nguyên liệu chín; mỡ cá được tách ra khỏi phần rắn để thuận lợi cho quá trình sản xuất sau thuận lợi. Tại đây các vi sinh vật, nấm mốc bị tiêu diệt.

Sau hấp, phân bã và phân nước dịch được tách ra, phân bã được đưa vào máy ép để tiếp tục lấy hết phần lỏng còn tồn trong bã để phục vụ công đoạn tiếp theo.

❖ **Sấy:**

Bán thành phẩm sau ép tách dầu được vít tải đưa vào máy sấy, tại đây dưới tác dụng của nhiệt $150^{\circ}\text{C} \div 160^{\circ}\text{C}$ các vi sinh vật, nấm mốc được tiêu diệt. Khi đạt độ ẩm 10 - 12% theo yêu cầu, bột ra khỏi máy sấy để tới các công đoạn tiếp theo.

❖ **Sàng – Nghiền:**

Dịch thu được sau khi hấp và ép được bơm vào bồn gia nhiệt, tại đây nước ép được gia nhiệt với nhiệt độ $> 95^{\circ}\text{C}$ bằng hệ thống gia nhiệt trực tiếp và gián tiếp.

Nước dịch được bơm vào máy tách dầu 3 pha (Decanter), mỡ cá thu được sau quá trình này được gia nhiệt nhằm loại nước và tách một số thành phần rắn lơ lửng trước khi bơm vào bồn trung gian.

Mỡ tại bồn trung gian được kiểm tra AV, phân loại trước khi bơm vào bồn chứa thành phẩm.

❖ **Đóng gói:**

Sản phẩm sau khi trộn xong QC kiểm tra qui cách chất lượng như độ đồng đều, màu sắc, độ ẩm, tạp chất trước khi đóng gói.

❖ **Bảo quản:**

Thành phẩm bột đóng gói xong được đưa vào kho sắp xếp theo hướng dẫn.

Thành phẩm mỡ cá sau khi kiểm tra chất lượng được phân vào các bồn chứa. Định kỳ hoặc trước các lần xuất hàng phải tiến hành lấy mẫu kiểm tra theo quy định

❖ **Xuất hàng:**

Toàn bộ quá trình tuân thủ theo Quy trình “Xuất – Nhập - Lưu kho Hàng hóa Vật tư”.



2.4.2 Nhà máy chế biến dầu cá

Nhà máy chế biến dầu cá tinh luyện của TRISEDCO sử dụng công nghệ của Tập đoàn Desmet – Bỉ. Đây là một trong những công nghệ hiện đại nhất đến thời điểm hiện nay, đáp ứng tối ưu yêu cầu chế biến Mỡ cá Tra – Ba sa thành nhiều loại mặt hàng thực phẩm dinh dưỡng: Dầu ăn; Dầu trộn Rau Cải; Dầu shortening (dùng trong công nghiệp chế biến mì ăn liền); Bơ Magarine; Bột Nhào Puff Pastry (dùng trong công nghiệp thực phẩm cao cấp như làm bánh lớp Crossaint, bánh Pate Chaud...), Dầu Cá viên Omega 3 (thuộc lĩnh vực dược phẩm).

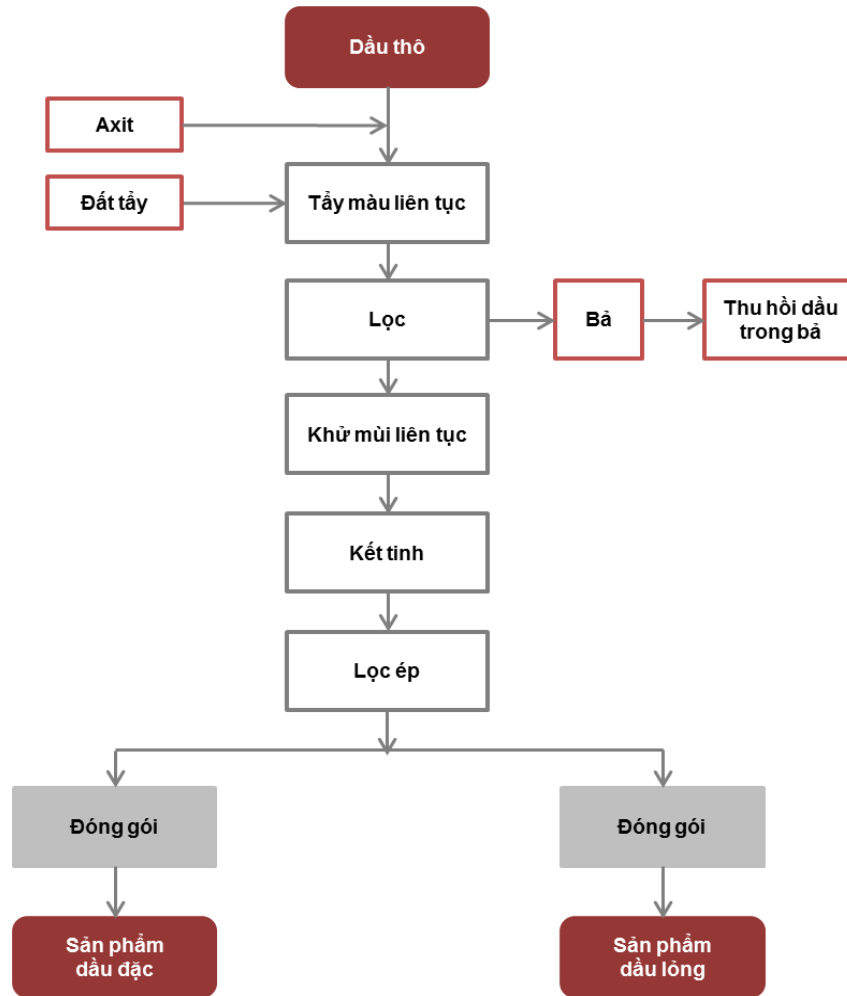
Nhà máy với công suất ban đầu là 100 tấn nguyên liệu/ngày. Đây là nhà máy tinh luyện dầu cá đầu tiên của khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long nói riêng, cả nước và của cả khu vực Đông Nam Á nói chung. Với chiến lược ban đầu là đưa lượng mỡ cá Tra, vốn được xem là dư thừa, vào phục vụ bếp ăn của mọi nhà, giúp cải thiện một phần sức khỏe người tiêu dùng, sau đó xây dựng một chiến lược phát triển mới, dự kiến cuối năm 2016, Công ty sẽ nâng công suất Nhà máy lên 200 tấn nguyên liệu/ngày.

Qua nghiên cứu và khảo sát các thiết bị và công nghệ cho quá trình tinh luyện dầu hiện nay trên thị trường, phương pháp tinh luyện dầu ăn trong công nghiệp có nhiều phương pháp gồm (i) phương pháp vật lý, (ii) hóa học và (iii) hóa lý. Việc lựa chọn phải dựa trên đặc tính của dầu nguyên liệu, hiệu suất thu hồi, giá thành công nghệ và chất lượng sản phẩm phải đảm bảo. Đối với dầu cá tinh luyện từ Mỡ cá Tra – Ba sa thì sử dụng phương pháp vật lý là hiệu quả và vượt trội hơn so với các phương pháp khác. Các ưu điểm đó bao gồm:

- Thực hiện phương pháp tiền xử lý khô kết hợp với tẩy màu, mùi liên tục - tách phân đoạn khô tiết kiệm và hiệu suất thu hồi cao so với các phương pháp khác. Hiệu suất thu hồi dầu sau khi tinh luyện cao trên 97% so với nguyên liệu dầu thô. Duy trì hàm lượng Axít Béo (EPA/DHA) trong dầu ít bị thay đổi nhất, một phần Olein (dầu lỏng) ổn định lạnh rất tốt và năng suất Olein cao;
- Dây chuyền sản xuất khép kín, tự động hóa, tiết kiệm lao động và diện tích mặt bằng nhà xưởng, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Định lượng đất tẩy nhanh và chính xác, đạt kết quả tẩy màu nhanh và màu dầu như ý muốn;
- Dầu lọc xong không hình thành các chất phân hủy;
- Hệ thống khử mùi hoàn hảo; và
- Hệ thống tách phân đoạn cho ra chất lượng thành phẩm ổn định.



Quy trình công nghệ tinh luyện dầu cá theo phương pháp



Nguồn: TRISEDCO

2.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Hiện tại, Nhà máy bột cá Trisdeco có hai sản phẩm chính là bột cá và mỡ cá. Sản phẩm bột cá là thành phần quan trọng không thể thiếu trong chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; sản phẩm mỡ cá (hay còn gọi là dầu cá thô) chứa nhiều các axit béo no SFA, các axit béo không no MUFA, PUFA, Omega 3, EPA, DHA và các vitamin được dùng để sản xuất thức ăn gia súc, dầu bio-diesel, và dầu ăn giàu dinh dưỡng cho người là nguyên liệu đầu vào để sản xuất dầu cá tinh luyện sử dụng trong ngành thực phẩm.

- Trong năm 2015 vừa qua, Công ty có tiếp nhận nhà máy tinh luyện dầu cá từ công ty IDI, công nghệ Châu Âu, với công suất thiết kế là 200 tấn nguyên liệu/ngày, cho ra 2 sản phẩm là dầu nền và dầu đặc, cụ thể:

- **Dầu nền (olein):** là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Dầu nền thu được sau khi tinh luyện có thành phần dinh dưỡng tốt hơn dầu cọ và có đặc tính tương đương dầu nành và dầu hướng dương. Dầu nền loại bỏ hoàn toàn mùi đặc trưng của cá và loại bỏ cholesterol, giữ lại hàm lượng omega 3 nguyên bản trong dầu cá. Dầu này ngoài công dụng chiên xào nấu nướng còn là nguồn bổ sung các chất Omega 3,6,9 và vitamin A giúp sáng mắt và cung cấp các vi chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể.
- **Dầu đặc (stearin):** là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Dầu đặc thu được sau khi tinh luyện có màu trắng, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng

44⁰C, sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên đóng gói. Dầu đặc (stearin) là nguyên liệu chủ yếu để chế biến shortening và margarine.

2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Với mục tiêu là cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao và hiệu quả, Công ty luôn duy trì chế độ kiểm soát chất lượng trong một chu trình khép kín từ khâu nghiên cứu sản phẩm cho đến khi sản phẩm đến tay người sử dụng.

Công ty có riêng một bộ phận kiểm tra chất lượng với trách nhiệm đảm trách việc theo dõi hoạt động sản xuất có liên quan đến chất lượng. Giám sát quy trình công nghệ, cập nhật và lưu trữ tài liệu sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, ISO trong tất cả các công đoạn sản xuất (từ lúc tiếp nhận nguyên liệu đến khi thành phẩm, sau đó vận chuyển cho khách hàng) đều có nhân viên kỹ thuật phụ trách về đảm bảo chất lượng giám sát, thực hiện các phương pháp sửa chữa khi có sự sai lệch về công đoạn hay quy trình và thẩm tra tất cả các hồ sơ quản lý chất lượng, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng cho Ban Tổng Giám đốc theo định kỳ.

Các hệ thống quản lý chất lượng Công ty đang áp dụng:

Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của Việt Nam quy định và các chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như:

- Chứng nhận ISO 22000:2005.
- Thương hiệu dịch vụ uy tín vì người Việt.
- Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013.
- Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Danh hiệu Chất Lượng Vàng thủy sản Việt Nam.
- Chứng nhận lưu hành tự do Bột cá - Mỡ cá
- Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y Bột cá - Mỡ cá.
- Giấy Xuất Khẩu bột cá, mỡ cá đi thị trường Trung Quốc.
- Chứng nhận tiêu chuẩn HACCP.
- Top 100 doanh nghiệp tiên phong.

Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa của Trisedco sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

2.7 Hoạt động Marketing

Tiếp thị: PR bài viết về TRISEDCO; làm chiến dịch gửi thư ngỏ + Catalogue cho các khách hàng; tham dự các chuyên đề, hội thảo chăn nuôi gia cầm, thủy sản; tham gia hội chợ triển lãm; quay phóng sự tài liệu, con đường của TRISEDCO (giải pháp cho người bạn chăn nuôi).

- Nhân viên đi thị trường, khai thác khách hàng;
- Quảng cáo về sản phẩm TRISEDCO 01 tháng / 01 lần (báo);
- Thông tin truyền thông / TV / Chạy chữ / ĐTHAG/ ĐTHĐT, Website;

Mở rộng thị trường kinh doanh: gồm TP.HCM – các Thành phố khác, các tỉnh (phía Nam, phía Bắc, Trung Bộ).

2.8 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát Triển Thủy Sản luôn hướng đến mục tiêu môi trường, xây dựng môi trường trong công ty xanh, sạch, đẹp. Chấp hành tốt quy trình xử lý nước thải trong sản xuất. Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân.

- Công ty luôn nhận định, chiến lược phát triển của công ty luôn đi kèm với việc thực hiện tốt công tác xã hội, từ thiện, chia sẻ một phần lợi nhuận của mình cho các hoạt động xã hội, từ thiện: đóng góp quỹ từ thiện vì người nghèo, tham gia chương trình ăn tết với người nghèo,...

2.9 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Nhận hiệu thương mại : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
- Tên tiếng Anh : TRAVEL INVESTMENT AND SEAFOOD DEVELOPMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : TRI.SED.CO
- Ngày thành lập : 15/03/2008
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000095 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008 và số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 16 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015

- Logo Công ty :



- Ý nghĩa Thương hiệu : Toàn bộ Logo lấy tông màu đỏ làm chủ đạo. Màu đỏ tượng trưng cho sự năng động và phát triển, Đồng phương quan niệm màu đỏ là màu may mắn...

Hình tượng con cò vỗ cánh tượng trưng cho ngành Du lịch (là một trong những chuyên ngành của Công ty)

Hình con cá tung tăng trong nước tượng trưng cho ngành thủy sản (cũng là chức năng đầu tư và phát triển chính của Công ty).

- Thời gian bảo hộ : Đến năm 2021 và được tiếp tục gia hạn

Giấy chứng nhận đăng ký nhận hiệu số 176568 được Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 49601/QĐ-SHTT ngày 30/11/2011.

III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

3.1.1 Tình hình phụ phẩm cá tra nguyên liệu:

- Đơn vị cung cấp PP nguyên liệu năm 2015 bao gồm: Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI, Công ty TNHH MTV KĐ & ĐT Toàn Cầu, Công ty TNHH TM & SX Ngọc Dung, Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp, Công ty TNHH Hữu Thành.

Sản lượng phụ phẩm mua về sản xuất năm 2015.

Tháng	Số lượng (kg)	Đơn giá (vnd/kg)	Giá trị chưa VAT (vnd)
1	3.056.365	6.700	20.477.645.500
2	924.668	6.752	6.243.587.600
3	2.463.496	7.000	17.244.472.000
4	1.535.997	7.000	10.751.979.000
5	2.369.051	7.000	16.583.357.000
6	2.485.106	6.305	15.668.592.700
7	3.134.555	6.305	19.763.371.419
8	3.794.196	6.325	23.997.960.104
9	3.325.421	6.775	22.530.419.159
10	4.997.005	6.855	34.252.982.145
11	4.844.593	6.976	33.798.048.896
12	3.347.445	6.855	22.946.866.101
Tổng	36.277.899		244.259.281.624

Tổng sản lượng phụ phẩm đưa vào sản xuất năm 2015 là 36.277.899 kg. Dự kiến năm 2016 tăng 72% tương ứng tăng 26.120.087 kg. Vậy, nhu cầu phụ phẩm cá tra cho năm 2016 là 62.397.986 kg.

- Tỷ lệ thu hồi thành phẩm từ sản xuất năm 2016:

- + Bột cá từ 17 -> 20% trên PP nguyên liệu đưa vào sản xuất.
- + Mỡ cá từ 22 -> 23% trên PP nguyên liệu đưa vào sản xuất.

- Số lượng thu hồi từ sản xuất:

Số TT	Mặt hàng	Số lượng (kg)
1	Bột cá sản xuất	10.296
2	Mỡ cá sản xuất	14.039
3	Bong bong	1.235
4	Bao tử	603
5	Vây cá, ức cá, đuôi cá...	1.559

3.1.2 Đánh giá tình hình xuất khẩu

Xuất khẩu: 6.682.592 kg, đạt giá trị là 8.100.205,96 USD ≈ 176.104.816.364 VND

- Tình hình xuất khẩu năm 2015: Tỷ giá b/q 21.740 VND/USD

Số TT	Mặt hàng	Số lượng (kg)	Giá trị (usd)	Giá trị (vnd)
1	Bột cá xuất khẩu	6.682.592	8.100.206	176.104.816.364
Tổng:		6.682.592	8.100.206	176.104.816.364

- Thị trường xuất khẩu bột cá - mở cá năm 2015:

Số TT	Khách hàng	Nước	Mặt hàng	Điểm đến	Price (usd/ton)	
01	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.440	FOB
02	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.360	FOB
03	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.250	FOB
04	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.175	FOB
05	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.120	FOB
06	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.090	FOB
07	Kai Enterprises Inc	USA	Bột 57% đạm	Japan	1.110	FOB
08	Kanematsu Corporation	Japan	Bột 58% đạm	Tokyo	1.250	FOB
09	Kanematsu Corporation	Japan	Bột 58% đạm	Tokyo	1.353	FOB
10	China National	China	Bột 57% đạm	Bắc Kinh	1.145	CNF
11	Kanematsu	Japan	Bột 57% đạm	Tokyo	1.120	FOB
12	Kanematsu	Japan	Bột 57% đạm	Tokyo	1.130	FOB
13	Kanematsu	Japan	Bột 57% đạm	Tokyo	1.100	FOB
14	Kanematsu	Japan	Bột 57% đạm	Tokyo	1.160	FOB
15	Kanematsu	Japan	Bột 57% đạm	Tokyo	1.145	FOB
16	Ocean		Bột 58% đạm	Mahé	1.295	CNF
17	Shanghai	China	Bột 57% đạm	Thượng Hải	1.113	CNF
18	Shanghai	China	Bột 57% đạm	Thượng Hải	1.090	CNF
19	Shanghai	China	Bột 57% đạm	Thượng Hải	1.120	CNF
20	Shanghai	China	Bột 57% đạm	Thượng Hải	1.190	CNF
21	Shanghai	China	Bột 58% đạm	Thượng Hải	1.240	CNF
22	Shanghai	China	Bột 58% đạm	Thượng Hải	1.295	CNF
23	Shanghai	China	Bột 58% đạm	Thượng Hải	1.245	CNF
24	Shenzhen	China	Bột 57% đạm	China	1.165	CNF
25	Teampower	China	Bột 58% đạm	Hong Kong	1.278	CNF
26	Teampower	China	Bột 58% đạm	Hong Kong	1.322	CNF

3.1.3 Cạnh tranh và giá bán

- Giá cá tra nguyên liệu luôn biến động và giá mua phụ phẩm cũng biến động theo. Vì vậy, khâu dự báo thị trường là cần thiết để cạnh tranh về giá bán, xác lập thương hiệu, uy tín về chất lượng sản phẩm trên thị trường thế giới.

- Kiểm soát chi phí để cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước, giá bán cũng áp dụng đối với từng khách hàng, nhằm phù hợp với tình hình thực tế từng nơi từng lúc.

- Thực hiện chính sách giảm giá, trả chậm hoặc ưu đãi khác cho khách hàng có quan hệ kinh doanh lâu dài với công ty.

- Với các nhà nhập khẩu truyền thống, công ty chủ động hạ giá bán khi giá phụ phẩm nguyên liệu giảm, tăng giá bán khi giá phụ phẩm nguyên liệu tăng trên tinh thần các bên cùng thống nhất và có lợi.

3.1.4 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

➤ **Sản xuất kinh doanh bột cá, mỡ cá.**

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu đủ cho nhà máy hoạt động, không để nhà máy phải ngưng hoạt động do thiếu nguyên liệu hoặc hoạt động không hết thời gian trong ngày (*tối thiểu 12 giờ/ngày*), tổ chức và quản lý tốt trong việc thu mua vận chuyển phụ phẩm, đảm bảo không thất thoát, hao hụt và tiêu cực.

- Tập trung xuất khẩu bột cá vào các thị trường tiềm năng như: Trung Quốc, Nhật, Thái Lan. Đối với các khách hàng hiện có, công ty tiếp tục củng cố khách, tăng sự hài lòng và tăng tần suất mua lại của khách hàng thông qua các chính sách chăm sóc khách hàng.

- Nâng thứ hạng của Công ty IDI lên Top 3 Nhà Máy Chế Biến Và Xuất Khẩu Bột Cá Tra lớn nhất Việt Nam.

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm thường xuyên để xây dựng lòng tin và tín nhiệm của khách hàng, làm cho thương hiệu và uy tín của Trisedco ngày một nâng lên, đứng vững trên thương trường.

- Kế hoạch thu mua nguyên liệu phụ phẩm năm 2016.

Tháng	Số lượng (kg)	Đơn giá (vnd/kg)	Giá trị chưa VAT (vnd)
1	5.103.259	6.900	35.212.488.480
2	3.252.506	6.900	22.442.294.160
3	4.646.047	6.900	32.057.721.540
4	5.111.473	6.900	35.269.160.940
5	4.644.678	6.900	32.048.276.130
6	5.575.530	6.900	38.471.154.930
7	5.574.161	6.900	38.461.709.520
8	5.574.161	6.900	38.461.709.520
9	5.574.161	6.900	38.461.709.520
10	5.780.865	6.900	39.887.966.430
11	5.780.865	6.900	39.887.966.430
12	5.780.282	6.900	39.883.944.420
Cộng	62.397.986	82.800	430.546.102.020

Sản lượng phụ phẩm công ty IDI có thể cung cấp theo kế hoạch kinh doanh năm 2016 khoảng 45.100 tấn phụ phẩm, đáp ứng được khoảng 73% nhu cầu phụ phẩm của công ty, phần phụ phẩm còn lại công ty sẽ thu mua từ các nhà máy chế biến cá tra fillet trong vùng. Công ty cũng dự trù kế hoạch thu mua thêm phụ phẩm cá tra để đảm bảo đủ nhu cầu sản xuất của nhà máy trong trường hợp Công ty IDI không cung cấp đủ phụ phẩm theo kế hoạch.

Kế hoạch thu mua bột cá, mỡ cá năm 2016.

Số TT	Mặt hàng	Số lượng (kg)	Đơn giá b/q (vnd/kg)	Giá trị chưa VAT (vnd)
1	Bột cá	11.760.000	23.400	275.184.000.000
2	Mỡ cá	6.960.453	13.700	95.358.208.155
Tổng:		18.720.453		370.542.208.155

- Bên cạnh sản phẩm bột cá –mỡ cá do công ty sản xuất ra, công ty Trisedco cũng tiến hành thu mua bột cá, mỡ cá bên ngoài để gia tăng lợi nhuận.
- Tất cả hàng hóa mua về đều được kiểm tra chất lượng cẩn thận.
- Toàn bộ sản lượng bột cá mua ngoài đều đảm bảo trên cơ sở có hợp đồng đầu ra thương mại mới mua hàng, nhằm hạn chế tối đa lượng hàng tồn kho, bị đọng vốn kinh doanh.

Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch 2016

Đơn vị: tấn

Tháng	Bột cá	Mỡ cá	Bong bóng	Bao tử	Vây cá, úc, dè...	Tổng cộng
1	810	1.148	101	48	128	2.235
2	516	732	64	31	81	1.424
3	738	1.045	92	44	116	2.035
4	811	1.150	101	49	128	2.239
5	737	1.045	92	44	116	2.034
6	885	1.254	110	53	139	2.441
7	885	1.254	110	53	139	2.441
8	885	1.254	110	53	139	2.441
9	885	1.254	110	53	139	2.441
10	917	1.301	114	55	145	2.532
11	917	1.301	114	55	145	2.532
12	917	1.300	114	55	144	2.530
Cộng	9.903	14.038	1.232	593	1.559	27.325

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn tạo sự hài lòng cho khách hàng.
- Nhà máy không ngừng cải tiến quy trình sản xuất nhằm đạt hiệu quả cao nhất.



Doanh thu kế hoạch năm 2016

ĐVT: triệu đồng

Tháng	Bột cá	Mỡ cá	Bong bóng	Bao tử	Vây cá, ức, dè ...	Tổng cộng
1	20.555	14.924	3.434	1.104	1.690	41.707
2	13.094	9.516	2.176	713	1.069	26.569
3	18.728	13.585	3.128	1.012	1.531	37.984
4	20.580	14.950	3.434	1.127	1.690	41.781
5	18.703	13.585	3.128	1.012	1.531	37.959
6	22.458	16.302	3.740	1.219	1.835	45.554
7	22.458	16.302	3.740	1.219	1.835	45.554
8	22.458	16.302	3.740	1.219	1.835	45.554
9	22.458	16.302	3.740	1.219	1.835	45.554
10	23.270	16.913	3.876	1.265	1.914	47.238
11	23.270	16.913	3.876	1.265	1.914	47.238
12	23.270	16.900	3.876	1.265	1.901	47.212
Cộng	251.305	182.494	41.888	13.639	20.579	509.905

- Có chính sách thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa
- Ưu tiên các khách hàng uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung bán hàng vào các thị trường tiềm năng.
- Tổ chức tham gia các hội chợ Thủy Sản quốc tế và các chuyên đi khảo sát thị trường và làm việc khách hàng như chuyên đi khảo sát Trung Quốc, Nhật Bản...

Kế hoạch sản xuất năm 2016

Tháng	Bột cá	Mỡ cá	Bong bóng	Bao tử	Vây cá, ức, dè cá...	Tổng cộng
1	842	1.148	101	48	128	2.267
2	537	732	64	31	81	1.445
3	767	1.045	92	44	116	2.064
4	843	1.150	101	49	128	2.271
5	766	1.045	92	44	116	2.063
6	920	1.254	110	53	139	2.476
7	920	1.254	110	53	139	2.476
8	920	1.254	110	53	139	2.476
9	920	1.254	110	53	139	2.476
10	954	1.301	114	55	145	2.569
11	954	1.301	114	55	145	2.569
12	954	1.300	114	55	144	2.567
Cộng	10.297	14.038	1.232	593	1.559	27.719



- Luôn tìm hiểu và luôn cải tiến quy trình sản xuất, định mức để có giá thành tốt hơn
- Đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng yêu cầu tăng công suất hoạt động của nhà máy.

➤ **Sản xuất kinh doanh dầu cá**

- Mục tiêu sau khi dây chuyền chiết rót đóng chai tự động hoàn thành và khi đầu tư dây chuyền tinh luyện dầu cá giai đoạn 2 đi vào hoạt động. Với dầu nền sản xuất ra, Công ty sẽ cho ra 4 dòng sản phẩm: dầu ăn dinh dưỡng cao cấp Ranee, dầu ăn cao cấp Ranee, dầu cooking Ranee và Sorterning. Với các chỉ tiêu dinh dưỡng tốt và giá thành cạnh tranh cao so với các dầu ăn hiện tại, nên công ty sẽ tập trung vào thị trường trong nước. Bên cạnh đó công ty cũng tìm các khách hàng nước ngoài, nhắm đến hệ thống siêu thị lớn ở các nước như Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc,... để xuất khẩu.
- Tập trung quảng bá thương hiệu thông qua các kênh truyền hình, báo đài, hội thảo tại các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội...
- Tìm kiếm các đối tác độc quyền có đủ năng lực tài chính để phân phối dầu tại các Tỉnh tiềm năng.
- Xây dựng kênh phân phối sản phẩm rộng khắp 3 miền Bắc – Trung – Nam.
- Đảm bảo cho công suất hoạt động nhà máy đạt 70% công suất thiết kế giai đoạn 1.

Bảng kết quả kinh doanh theo kế hoạch năm 2016

Stt	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2016		Tổng cộng
			Bột cá và SP phụ	Dầu ăn ranee	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	657.252.281.503	627.291.141.264	573.142.865.070	1.200.434.006.334
2	Giá vốn hàng bán	606.331.156.936	567.849.400.000	462.710.891.190	1.030.560.291.190
3	Lợi nhuận gộp	50.921.124.567	59.441.741.264	110.431.973.880	169.873.715.144
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.849.579.421	13.200.000.000		13.200.000.000
5	Chi phí tài chính	17.763.191.215	17.881.000.000	17.194.285.952	35.075.285.952
6	Chi phí bán hàng	9.026.654.470	6.287.200.000	34.388.571.904	40.675.771.904
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.064.316.172	7.540.400.000	22.925.714.603	30.466.114.603
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	24.916.542.131	40.933.141.264	35.923.401.421	76.856.542.685
9	Lợi nhuận khác	(57.874.083)			-
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.858.668.048	40.933.141.264	35.923.401.421	76.856.542.685
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.497.851.862	5.116.642.658	1.341.267.422	6.457.910.080
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.360.816.186	35.816.498.606	34.582.133.999	70.398.632.605

Kế hoạch cổ tức như sau: với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Ban điều hành trình hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2016 là 5->10 % bằng cổ phiếu.





Hình nhà máy Trisedco

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CÔNG TY


4.1 Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị


	<p>Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch HĐQT sinh năm 1964 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p>- Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, ông công tác tại xí nghiệp liên hiệp đường sắt Huế</p> <p>- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm đội trưởng xây dựng Công ty xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành, Công ty CP Đầu tư Và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.</p>
<p>Chủ tịch HĐQT</p>	<p>Năm 2003, Ông Chung Tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI</p> <p>Hiện tại, Ông giữ chức Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản. Ngoài ra, Ông Quế còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai Ông đang nắm giữ 120.500 cổ phần của công ty TRISEDCO.</p>

	<p>Ông Lê Xuân Quế – Phó chủ tịch HĐQT sinh năm 1968 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1992, công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Xây dựng; - Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam - Năm 2003, Ông về làm việc tại CTCP Tập đoàn Sao Mai và CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia, - Từ năm 2008 đến nay, Ông Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
<p>Phó CT HĐQT</p>	

Hiện tại Ông làm Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản, Ngoài ra, Ông Quế còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 120.500 cổ phần của công ty TRISEDCO.

	<p>Ông Lê Thanh Thuận – thành viên HĐQT sinh năm 1964 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, Ông Thuận làm việc tại Sở xây dựng tỉnh An Giang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1979 , Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất tỉnh An Giang - Năm 1982 , Ông được bổ nhiệm làm chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang - Năm 1992, Ông được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng <p>Từ 1997 đến nay, Ông thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và XD Sao Mai tỉnh An Giang. Năm 2003, ông thành lập và điều hành CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.</p>
<p>Thành viên HĐQT</p>	

Năm 2008 đến nay, Ông thành lập và điều hành Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản . Hiện nay, ông đang làm thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Ông đang nắm giữ 1.500.000 cổ phần của công ty Trisedco.

	<p>Ông Nguyễn Văn Hưng – thành viên HĐQT sinh năm 1954 tại Hồng Ngự, Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp trung cấp xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.</p> <p>Từ năm 1989 Ông được bổ nhiệm là trưởng phòng tổ chức Sở kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại và Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995.</p> <p>Từ năm 1997, Ông Hưng tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.</p> <p>Năm 2003, Ông Chung Tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI</p>
<p>Thành viên HĐQT</p>	

Hiện tại Ông làm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Tập đoàn Sao Mai, chịu trách nhiệm giám sát, theo dõi và điều tất cả hoạt động kinh doanh của ASM. Và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển thủy Sản. Ông đang nắm 50.500 cổ phần công ty Trisedco.



Ông Trương Vĩnh Thành – thành viên HĐQT sinh 1977 tại Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Năm 1999, Ông về làm trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai sau khi tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư xây dựng. Từ năm 2001, Ông Giám đốc Công ty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai; Từ năm 2005 đến 2011: TP Quản lý Đầu tư Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI; Từ 2008 đến 2011, Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI Từ 2011 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Thành viên HĐQT

Hiện tại, Ông là thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển thủy Sản. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Ông đang nắm giữ 10.500 cổ phần của công ty TRISEDCO

Ông Lê Văn Thành, sinh năm 1967 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

- Từ 1987 đến 1990, Ông công tác tại Trường sỹ quan Quân Sự - sỹ quan Quân Đội Nhân Dân Việt Nam.
- Từ năm 1990 đến 1992, Ông công tác tại Sư đoàn 363 Hải Phòng.
- Từ năm 1992 đến năm 1997, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu.
- Từ 1997 đến nay, Ông là nhân viên tại Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai.
- Từ 2005, Ông là người tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.

Thành viên HĐQT

Hiện tại, Ông là Thành viên Hội đồng Hội đồng quản trị. Ông đang nắm giữ 16.100 cổ phần chiếm 0,023% vốn điều lệ


	<p>Ông Hồ Mạnh Dũng – thành viên HĐQT sinh năm 1951 tại Đức Phổ, Quảng Ngãi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1975 đến năm 2007 Ông là cán bộ văn phòng tỉnh ủy An Giang. - Từ 2007 Ông là trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị tại công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao mai. - Từ 2008 đến nay Ông làm việc tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.
<p>Phó chủ tịch HĐQT</p>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức Trợ lý Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông nắm giữ 500 cổ phần chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	
	<p>Ông Lê Văn Chính sinh năm 1982 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2009 đến năm 2011, Ông làm việc tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng Sao mai; - Từ năm 2011 đến năm 2013, Ông công tác tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI; - Từ năm 2013 đến năm 2014, Ông là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á; - Từ 2015 đến nay, Ông là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản;
<p>Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc</p>	
<p>Hiện tại, Ông là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản. Ông đang nắm giữ 500 cổ phần Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	

Ban Điều hành.

Lê Văn Chính Tổng Giám Đốc (đã tóm tắt ở trên)


Nguyễn Văn Hưng: Phó Tổng Giám Đốc (đã tóm tắt ở trên)

Nguyễn Tiến Ngữ: Phó Tổng Giám Đốc

	<p>Ông Nguyễn Tiến Ngữ sinh năm 1960 tại Xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Sau khi tốt nghiệp là Cử nhân An ninh, Cử nhân Luật, Cử nhân Chính trị.</p> <p>Từ năm 1983 Ông là Cán bộ Cục An ninh kinh tế - Bộ Công An</p> <p>Từ năm 1987, Ông là Cán bộ, Phó Phòng, Trưởng phòng AnNinh kinh tế Văn hóa tư tưởng, Trưởng phòng quản lý Xuất nhập cảnh – Công An tỉnh An Giang.</p> <p>Từ năm 2010 Ông là trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai, và làm việc tại Công ty CPĐT Tài chính & Truyền</p>
<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	

	thông quốc tế.
Hiện nay ông đang làm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản, ông đang nắm giữ 500 cổ phần của công ty TRISED CO.	

	<p>Ông Lê Hoàng Cương sinh năm 1985 tại Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang</p> <p>Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kế toán năm 2007, năm 2008 Ông làm kế toán tại Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia</p> <p>- Từ 2009 đến 2013 : Kế toán tại Công ty CP ĐT & XD Sao Mai</p> <p>- Từ 2013: Trưởng BKS CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia</p> <p>- Từ 2013: Công tác tại Phòng tài chính Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản.</p>
Giám đốc tài chính	
Hiện tại Ông đang làm Giám Đốc Tài Chính tại Công Ty Cổ Phần Đầu tư du lịch và phát triển Thủy Sản, Ông đang nắm giữ 500 cổ phần của công ty TRISED CO.	

	<p>Ông Nguyễn Gia Thuận sinh năm 1978 tại Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ.</p> <p>Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế.</p> <p>Từ năm 2002 ông là Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang</p> <p>Năm 2008, ông được bổ nhiệm làm kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</p>
Kế toán trưởng	
Năm 2009 đến nay ông là kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản, hiện nay ông đang nắm giữ 400 cổ phần của công ty TRISED CO.	

Thành viên ban Kiểm Soát

Bà NGÔ THỊ TỔ NGÂN – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 1981
- Nơi sinh : Ấp 3, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
- Quá trình công tác :

 - Từ 2004 đến 2007 : Kế toán Công ty TNHH SX&TM Trương Vui.
 - Từ 2008 đến nay : Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
 - Từ 2015 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

- Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Kế toán Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai An Giang
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 300 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ

Bà TRỊNH THỊ NGỌC – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 1988
 N Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
 Quá trình công tác :
 ▪ Từ 2009 đến nay : Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
 ▪ Từ 2015 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
 Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 ▪ Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai
 Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 100 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ
 oir sinh : Thiệu Hóa – Thanh Hóa

Bà NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 1991
 Nơi sinh : Thốt Nốt, Cần Thơ
 Quá trình công tác :
 ▪ Từ T2 đến T8/2014 : Kế toán Công ty TNHH SXTM XNK Phú Quý
 ▪ Từ T9 đến T11/2014 : Nhân viên kinh doanh Công ty BĐS Sao Mai
 ▪ Từ T12/2014 đến nay : Nhân viên Ban tái cấu trúc tài chính CTCP Tập đoàn Sao Mai.
 ▪ Từ 2015 đến nay : Làm việc tại CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
 Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 ▪ Nhân viên ban tái cấu trúc tài chính CTCP Tập đoàn Sao Mai
 Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Thay đổi ban điều hành trong năm

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số CMND /ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu giữ chức vụ trong ban điều hành	Thời điểm không còn giữ chức vụ trong ban điều hành	Lý do
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch hội đồng quản trị	351393479	Long Xuyên An Giang	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCD 2015
2	Lê Xuân Quê	Phó Chủ tịch hội đồng quản trị	351259440	Long Xuyên An Giang	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCD 2015
3	Lê Văn Chính	Hội đồng quản trị	351890423	Long Xuyên An Giang	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCD 2015
4	Lê Văn Thành	Hội đồng quản trị	351400599	Long Xuyên An Giang	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCD 2015
5	Ngô Thị Tô Ngân	Trưởng ban kiểm soát	352428133	Long Xuyên An Giang	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-



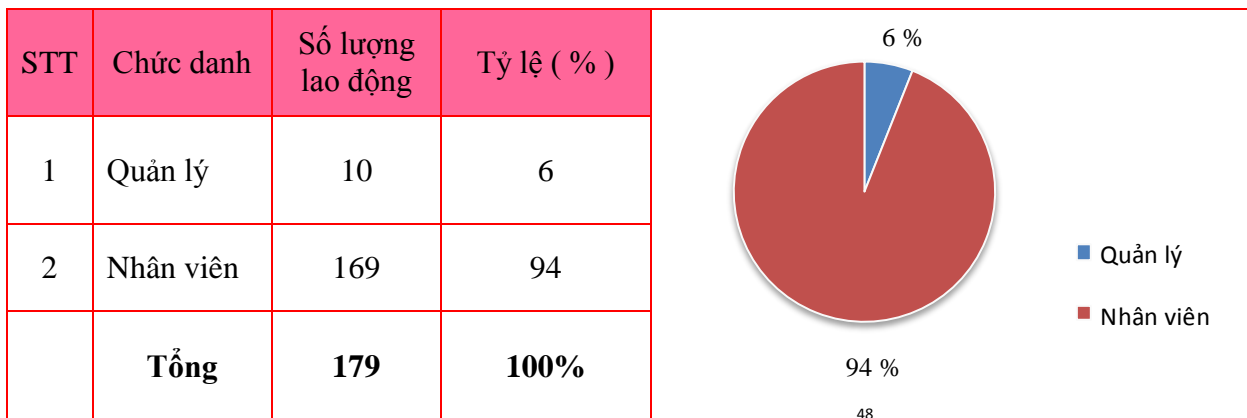
							ĐHCĐ 2015
6	Trịnh Thị Ngọc	Thành viên ban kiểm soát	352489272	Long Xuyên An Giang	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCĐ 2015
7	Lê Thị Lệ Quyên	Thành viên ban kiểm soát	362287058	Vĩnh Thạnh Cần Thơ	03/02/2015		Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCĐ 2015
8	Lê Thị Phụng	Thành viên ban kiểm soát	352272283	Long Xuyên An Giang		03/02/2015	Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCĐ 2015
9	Lê Thị Định	Thành viên ban kiểm soát	351835123	Long Xuyên An Giang		03/02/2015	Theo nghị quyết số:02/NQ-ĐHCĐ 2015

4.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

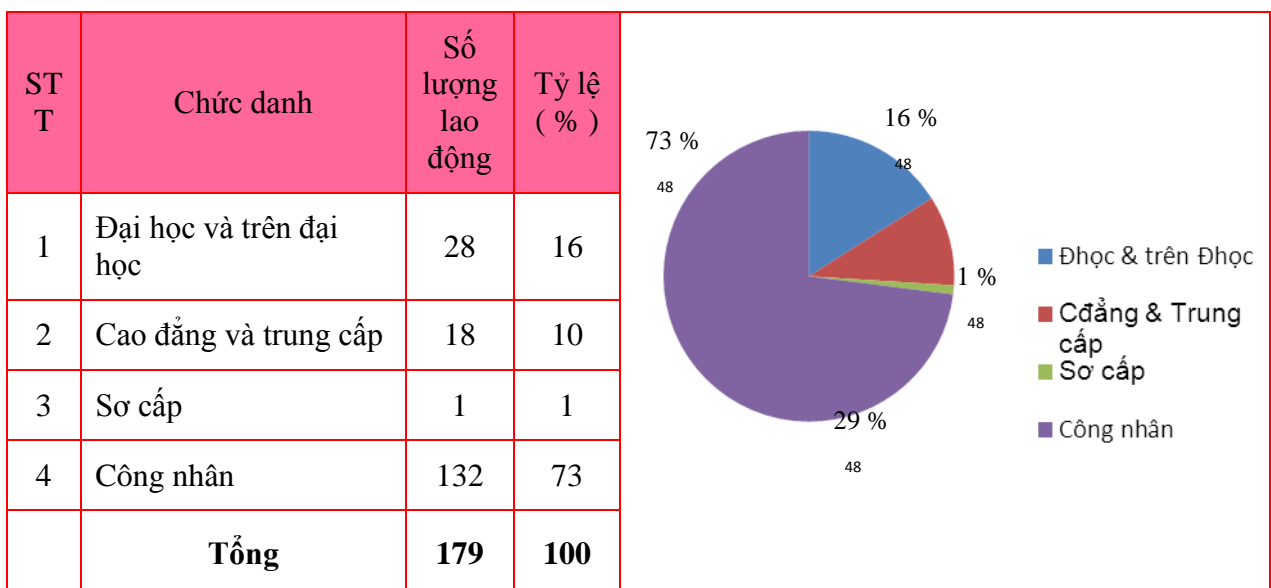
4.2.1 Số lượng và cơ cấu lao động:

Tổng số lao động của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát triển Thủy Sản tính bình quân năm 2015 là 179 người, trong đó, cơ cấu lao động của Công ty như sau:

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH

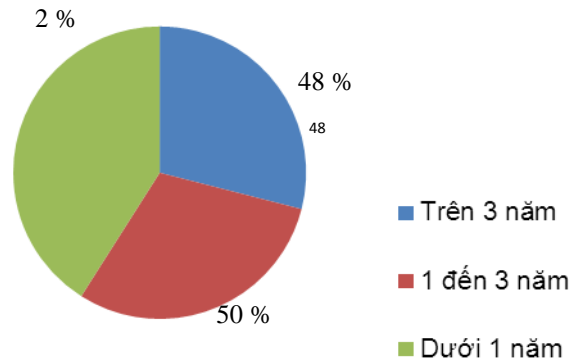


BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC

STT	Thâm niên	Số lao động	Tỷ lệ (%)
1	Trên 03 năm	52	48
2	Từ 1 đến dưới 3 năm	53	50
3	Dưới 1 năm, học nghề, thử việc	74	2
	Tổng	179	100



4.2.2 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ. Đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.

Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi có kỳ hạn và thành tích xuất sắc.

Điều kiện làm việc: Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát triển Thủy Sản cung cấp đầy đủ các thiết bị làm việc cho CBCNV. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Trisedco trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

4.2.3 Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty tập trung việc giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBCNV. Công ty đề cao đạo đức, tính trung thực và nếp sống lành mạnh nhằm hướng CBCNV gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty cũng đề cao tính sáng tạo để CBCNV phát huy mọi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đồng thời cải thiện và nâng cao thu nhập cho người CBCNV.

Công ty tăng cường việc quản lý theo hướng hiện đại, phân công phân cấp công việc cụ thể, chịu trách nhiệm theo từng nhóm công việc nhiệm vụ được giao. Sàng lọc các công nhân lành nghề và chuyên nghiệp, làm việc có hiệu suất cao. Loại bỏ dần các phòng ban trung gian. Kịp thời thay đổi theo chủ trương chính sách của nhà nước, thị trường kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty sao cho bền vững và đạt hiệu quả cao.

Thực hiện tốt chế độ quyền lợi của CBCNV, tất cả công nhân viên của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại bảo hiểm theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, thưởng, linh hoạt, phản ánh đúng chất lượng người lao động, cấp trang phục, phương tiện làm việc, hỗ trợ suất ăn trưa, phụ cấp thêm giờ, ngoài ra Công ty có nhà ở phục vụ cho những CBCNV đi làm xa nhà...

4.2.4 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty rất chú trọng đến việc tuyển người lao động có năng lực, đáng ứng như cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, tay nghề trẻ. Tùy vào vị trí mà Công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, nhưng tất cả đều phải đáp ứng được nhu cầu cơ bản như: cần có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, ISO, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ, phòng cháy nổ, an toàn thực phẩm, an toàn lao động cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức

CB-CNV của công ty có thời gian công tác từ 02 năm trở lên và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong quá trình làm việc nếu có nguyện vọng xin đi học các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hoặc muốn liên thông đại học, trên đại học ở trong và ngoài nước đều được Ban TGD xem xét và đề xuất HĐQT quyết định. Các khoản lương và chi phí học đều được hưởng theo quy định của Công ty.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2016 có 08 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, P.Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên HĐQT. Trong đó, có 01 thành viên tham gia điều hành và 07 thành viên không tham gia điều hành. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức vụ tại Cty Trisedco	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Lê Văn Chung	CT. HĐQT	120.500	0,32%	
2	Lê Xuân Quế	P.CTHĐQT	33.500	0,09%	
3	Lê Thanh Thuận	TV.HĐQT	1.500.000	3,94%	
4	Nguyễn Văn Hưng	TV.HĐQT	50.500	0,13%	
5	Trương Vĩnh Thành	TV.HĐQT	10.500	0,03%	
6	Lê Văn Chính	TV.HĐQT	500	0,00%	Kiểm Tổng giám đốc
7	Lê Văn Thành	TV.HĐQT	16.100	0,04%	
8	Hồ Mạnh Dũng	TV.HĐQT	500	0,00%	

- Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Số thành viên HĐQT dự họp luôn luôn đảm bảo tỷ lệ 100%, không có thành viên nào ủy quyền cho HĐQT, với quyền hạn và trách nhiệm của mình Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát và hỗ trợ tích cực cho Ban Tổng Giám Đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xem xét các vấn đề mang tính chiến lược và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và điều lệ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản, cụ thể bằng các Nghị quyết, quyết định sau:



STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-ĐHĐCĐ/2015	03/02/2016	V/v thông qua các nội dung đại hội cổ đông thường niên năm 2015.
2	02.2015/NQ-HĐQT	29/03/2015	V/v thông qua việc mua lại 2.400.000 cổ phần công ty Dầu Cá Châu Á (công ty AFO) của công ty Tập Đoàn Sao Mai.
3	03/NQ.ĐHĐCĐ/2015	19/05/2015	V/v thông qua việc thêm vốn vào công ty AFO
4	03/NQ-ĐHĐCĐ/2015	26/05/2015	V/v thông qua các vấn đề liên quan đến việc niêm yết.
5	04.2015/NQ-HĐQT	01/06/2015	V/v thông qua việc chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần công ty AFO
6	78.79/QĐ	29/09/2015	V/v thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại sở GDCK TP.HCM
7	12/NQ.HĐQT-2015	15/12/2015	V/v thông qua việc chuyển nhượng 5.000.000 cổ phần công ty AFO

- Bổ sung các quy định tạo thuận lợi cho công ty áp dụng khoa học kỹ thuật vào quản trị nhằm giảm chi phí và gánh nặng, tuân thủ pháp luật trong quản trị công ty như công nhận giá trị pháp lý tài liệu điện tử, họp trực tuyến có giá trị như cách họp truyền thống, thừa nhận giá trị pháp lý của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc phương tiện thông tin tương tự khác.

1.2 Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 – 2016 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp để kiểm tra và giải quyết các vấn đề của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà Đại hội đồng cổ đông giao.

- Quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền của Ban kiểm soát, như tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên và cuộc họp khác của Công ty; bổ sung thêm nhiệm vụ đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần Công ty Trisedco theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 11/04/2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Chung	0303141296	Quốc Lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp	30.192.600	79,25
Tổng cộng				30.192.600	79,25

2.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 “Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy CNĐKDN, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”. Hiện nay, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của Công ty Trisedco

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TT	Họ & Tên	Số ĐKSH / CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM). Đại diện theo pháp luật là Ông Lê Thanh Thuấn.	1600169024	326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.	1.500.000	3,94%
2	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia (IDI). Đại diện theo pháp luật là Ông Lê Văn Chung.	303141296	Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	30.192.600	79,25%
3	Lê Thanh Thuấn	350006170	326 Hùng Vương, P Mỹ Long, Long Xuyên AG	1.500.000	3,94%
4	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	50.500	0,13%
5	Lê Văn Chung	351393479	326 Hùng Vương, Long Xuyên, An Giang	120.500	0,32%
6	Lê Xuân Quế	351259440	40/42 Lê Lợi, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	33.500	0,09%
7	Trương Vĩnh Thành	352244166	83 E1 Khu Đô Thị Sao Mai, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang An Giang	10.500	0,03%
8	Lê Văn Thủy	351627326	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên An Giang	87.800	0,23%
9	Võ Thị Hồng Tâm	351220418	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	500	0,00%
10	Phạm Đình Nam	351333247	19/4B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang	18.500	0,05%
11	Võ Thị Thanh Tâm	351343854	Mỹ Bình, LX, AG.	-	0,00%
12	Võ Quốc Chánh	351387175	Bình Khánh, LX, AG	-	0,00%
13	Lê Văn Thành	351400599	706 Hà Hoàng Hồ Long Xuyên An Giang	16.100	0,04%



14	Võ Quốc Hưng	024355640	P.8, Q.6, TP.HCM	-	0,00%
15	Nguyễn Thị Hà	352042198	Số 49/30, Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang	20.000	0,05%
16	Trần Văn Cừ	351700797	Mỹ Khánh, LX, AG.	27.700	0,07%
17	Nguyễn Hồng Ngự	351485451	Số 49/30, Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang	10.300	0,03%
18	Nguyễn Thị Diệu Hiền	351355224	Bình Long 2, Mỹ Bình, Long Xuyên An Giang	10.500	0,03%
19	Lê Văn Tình	361485996	Thới Bình, NK, CT	-	0,00%
Tổng cộng:				33.599.000	88,19%

2.3 Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ phần hiện tại của công ty là 38.100.000 cổ phần. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 06/04/2016.

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

TT	Nhóm cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị theo	Tỷ lệ
		(cổ đông)	(cổ phần)	mệnh giá (VND)	(%)
I.	Cổ đông trong nước	427	38.099.590	380.995.900.000	100,00
1.	Cổ đông tổ chức	2	31.692.600	316.926.000.000	83,18
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	-	-	-
2.	Cổ đông cá nhân	425	6.406.990	64.069.900.000	16,82
	<i>Trong đó:</i>				-
	- HĐQT, BKS, BGĐ, KTT	14	1.733.900	17.339.000.000	4,55
II.	Cổ đông nước ngoài	1	410	4.100.000	0,00
1.	Cổ đông tổ chức	0	-	-	-
2.	Cổ đông cá nhân	1	410	4.100.000	0,00
III.	Cổ phiếu quỹ	0	-	-	-
Tổng cộng		428	38.100.000	381.000.000.000	100

NHÀ MÁY BỘT CÁ TRISEDCO



NHÀ MÁY DẦU CÁ RANEE





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN
THỦY SẢN**

Báo cáo tài chính

*Cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 45





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 7 năm 2015

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 là: **381.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu

3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản lắp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con

- Công ty Cp Dầu Cá Châu Á

Từ ngày 22/12/2015 Công ty đã chấm dứt quyền kiểm soát tại Công ty Cp Dầu Cá Châu Á

Công ty liên doanh, liên kết

- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Thanh Thuận	Thành viên
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chính	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thành	Thành viên

JBS
NG
CP
ƯD
ÁT
YS



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng ban
Bà	Trịnh Thị Ngọc	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ủy viên

Đại diện theo phát luật:

Ông: Lê Văn Chính

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Gia Thuần

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản phê duyệt Báo cáo tài chính Cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



LÊ VĂN CHUNG

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHÍNH



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số : 173/BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



P. Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

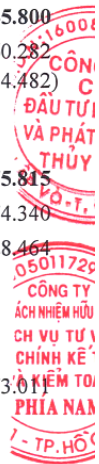
Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		384.831.795.859	179.072.059.692
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	129.487.881.338	10.271.189.727
111	1. Tiền		118.467.766.689	5.571.189.727
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.020.114.649	4.700.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02		3.811.545.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh			5.987.860.282
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			(2.176.314.482)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		189.348.086.486	148.017.375.815
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	111.864.955.872	55.097.874.340
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		52.534.713.119	77.650.028.464
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	24.948.417.495	15.269.473.011
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	53.840.781.578	16.951.378.653
141	1. Hàng tồn kho		53.840.781.578	17.131.654.772
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			(180.276.119)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.155.046.457	20.569.697
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	660.365.930	20.569.697
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.494.680.527	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12		
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

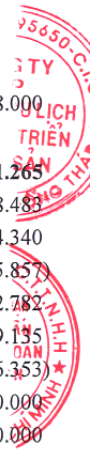
Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		411.232.487.750	167.794.635.019
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.017.612.000	3.312.128.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	5.017.612.000	3.312.128.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		359.442.187.252	86.147.971.265
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	185.632.474.365	57.686.428.488
222	- Nguyên giá		218.176.488.018	79.349.504.340
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(32.544.013.653)	(21.663.075.852)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.07	115.880.718.244	25.848.042.782
225	- Nguyên giá		118.887.765.096	34.971.549.135
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.007.046.852)	(9.123.506.353)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	57.928.994.643	2.613.500.000
228	- Nguyên giá		58.619.547.423	2.673.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(690.552.780)	(60.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	46.669.314.194	10.406.817.282
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		38.680.500.000	
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.418.973.891	10.418.973.891
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(2.430.159.697)	(12.156.609)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		103.374.304	67.927.718.472
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	103.374.304	67.927.718.472
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		796.064.283.609	346.866.694.710





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		369.213.822.468	170.820.206.391
310	I. Nợ ngắn hạn		168.959.168.963	125.209.620.330
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	25.212.177.580	28.919.087.343
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		183.613.460	514.021.351
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	3.570.869.984	1.528.797.624
314	4. Phải trả người lao động			
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	1.294.894.118	995.542.185
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	137.690.193.097	92.801.594.467
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.007.420.724	450.577.360
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		200.254.653.505	45.610.586.061
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10	200.254.653.505	45.610.586.061
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

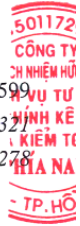
Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.14	426.850.461.141	176.046.488.319
410	I. Vốn chủ sở hữu		426.850.461.141	176.046.488.319
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		381.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		381.000.000.000	150.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		2.014.841.448	901.154.720
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.835.619.693	25.145.333.599
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.474.803.507	14.008.466.321
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.360.816.186	11.136.867.278
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		796.064.283.609	346.866.694.710



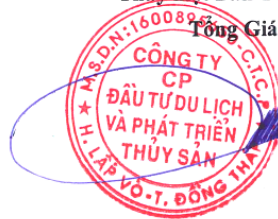
Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN CHÍNH



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	658.856.437.387	344.228.040.576
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.604.155.884	246.365.257
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		657.252.281.503	343.981.675.319
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	606.331.156.936	319.923.695.755
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.921.124.567	24.057.979.564
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	7.849.579.421	10.999.732.401
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	17.763.191.215	13.425.814.104
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.457.591.346	12.842.145.936
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	9.026.654.470	4.405.896.798
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	7.064.316.172	4.617.021.918
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.916.542.131	12.608.979.145
31	11. Thu nhập khác	VI.07		534.058
32	12. Chi phí khác	VI.08	57.874.083	131.379.002
40	13. Lợi nhuận khác		(57.874.083)	(130.844.445)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.858.668.048	12.478.134.700
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	3.497.851.862	1.341.267.422
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.360.816.186	11.136.867.278
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	590	712
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN CHÍNH



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

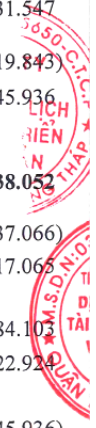
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.858.668.048	12.478.134.700
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		25.492.419.734	8.751.101.931
03	2. Các khoản dự phòng		61.412.487	(1.875.056.219)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		420.838.488	542.431.547
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.040.811.715)	(10.612.419.843)
06	5. Chi phí lãi vay		14.457.591.346	12.842.145.936
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.250.118.388	22.126.338.052
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(54.530.875.198)	(75.514.637.066)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.709.126.806)	1.327.117.065
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.193.745.223)	31.715.084.103
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		67.184.547.935	1.206.622.924
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		5.987.860.282	
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.457.591.346)	(12.639.645.936)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(638.109.845)	(701.947.226)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		556.843.364	1.351.732.080
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.449.921.551	(31.129.336.004)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(205.990.260.174)	(1.260.176.770)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(98.680.500.000)	(6.014.560.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000.000.000	4.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.512.383.479	701.947.226
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(253.158.376.695)	(2.572.789.544)





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		230.000.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		585.031.022.357	359.091.027.108
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(455.746.182.524)	(343.395.079.025)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(11.463.186.881)	(6.644.597.012)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		347.821.652.952	9.051.351.071
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		119.113.197.808	(24.650.774.477)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.271.189.727	34.822.957.390
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		103.493.803	99.006.814
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		129.487.881.338	10.271.189.727

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN CHÍNH



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 7 năm 2015
 Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 là: **381.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu

3. Ngành nghề kinh doanh

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ
+ Công ty Cp Dầu Cá Châu Á	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Từ ngày 22/12/2015 Công ty đã chấm dứt quyền kiểm soát tại Công ty Cp Dầu Cá Châu Á

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ
- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á	Quốc lộ 80, xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

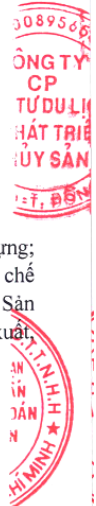
III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia cho công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt qua số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	50.031.807	21.287.419
- VND	50.031.807	21.287.419
Tiền gửi không kỳ hạn	118.417.734.882	5.549.902.308
- Tiền gửi (VND)	112.263.761.313	5.345.465.936
- Tiền gửi (USD)	6.153.973.569	204.436.372
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	11.020.114.649	4.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.020.114.649	4.700.000.000
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Cần Thơ	11.020.114.649	4.700.000.000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	129.487.881.338	10.271.189.727





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DULỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh				
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	5.987.860.282		3.811.545.800	(2.176.314.482)
	5.987.860.282		3.811.545.800	(2.176.314.482)
Cộng	5.987.860.282		3.811.545.800	(2.176.314.482)

Ghi chú: Trong kỳ, công ty đã bán toàn bộ số lượng cổ phiếu này theo phương thức khớp lệnh trên sàn (số lượng cp: 465.363; giá bán 15.800 đ/cp)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	38.680.500.000	(2.403.709.043)		
- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á	38.680.500.000	(2.403.709.043)		
Đầu tư vào đơn vị khác	10.418.973.891	(26.450.654)	10.418.973.891	(12.156.609)
- Cty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính	6.418.973.891	(26.450.654)	6.418.973.891	(12.156.609)
- Cty CP Nhựt Hồng (*)	4.000.000.000		4.000.000.000	
Cộng	49.099.473.891	(2.430.159.697)	10.418.973.891	(12.156.609)

Do Công ty CP Dầu Cá Châu Á, Cty CP Tư vấn và Đầu tư TC, Cty CP Nhựt Hồng chưa thực hiện niên yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

(*) Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng Liên doanh số 02/HĐLD-2013/NH-TRISEDCO ngày 01 tháng 10 năm 2013 về việc đầu tư dự án Phía Đông Quốc lộ 01A- Khu A xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau với số tiền đầu tư 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Khoản đầu tư này đã được thông quan theo Biên bản họp HĐQT số 03/BB-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Theo biên bản họp Hội Đồng Quản trị Cty CP ĐT Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản số 03/BB-HĐQT ngày 30/03/2014 thì khoản đầu tư trên sẽ chuyển thành góp vốn thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua 400.000 cổ phần của Công ty Nhựt Hồng. (Ông Lê Xuân Quế làm đại diện phân vốn góp của Công ty)





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Cty CP Dầu cá Châu Á	10.758.353.033	(7.457.118.838)

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
- Cty CP Dầu cá Châu Á	Bán mỡ cá	219.142.302.866
	Cho thuê nhà máy dầu cá	18.315.000.000
	Mua mỡ cá, đầu cá	131.142.710.059

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	92.238.813.463	45.617.358.400
+ Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia	1.424.489.048	
+ Đối tượng khác	18.201.653.361	9.480.515.940

b) Dài hạn

Cộng	111.864.955.872	55.097.874.340
-------------	------------------------	-----------------------

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Dầu cá Châu Á	Công ty liên kết	92.238.813.463	45.617.358.400
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia	Công ty mẹ	1.424.489.048	

04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	24.948.417.495		15.269.473.011	
Tạm ứng	5.120.549.124		4.740.129.124	
Phải thu khác	19.827.868.371		10.529.343.887	
+ Cty CP Tập đoàn Sao Mai	4.955.169.751		4.126.762.469	
+ Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh	1.649.770.000		1.317.650.000	
+ Công ty CP VISTAR	535.002.000		535.002.000	
+ Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành	1.978.281.000		1.317.650.000	
+ Đối tượng khác	10.709.645.620		3.232.279.418	
b) Dài hạn	5.017.612.000		3.312.128.000	
Ký cược, ký quỹ	5.017.612.000		3.312.128.000	
Cộng	29.966.029.495		18.581.601.011	



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

05 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	738.496.957		1.203.753.341	
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			1.502.012.144	
- Thành phẩm	10.402.551.575		14.425.889.287	(180.276.119)
- Hàng hóa	42.699.733.046			
Cộng	53.840.781.578		17.131.654.772	(180.276.119)

Ghi chú:

Nguyên nhân hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thành phẩm được tiêu thụ



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

06 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	61.506.722.944	16.333.745.032	1.385.454.546	123.581.818		79.349.504.340
2. Số tăng trong năm	111.287.590.909	49.883.687.575	2.551.141.818			163.722.420.302
- Mua trong năm	111.287.590.909	49.883.687.575	2.551.141.818			163.722.420.302
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		24.895.436.624				24.895.436.624
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		24.895.436.624				24.895.436.624
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	172.794.313.853	41.321.995.983	3.936.596.364	123.581.818		218.176.488.018
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	15.355.771.125	5.541.571.340	662.142.715	103.590.677		21.663.075.857
2. Khấu hao trong năm	7.206.715.585	13.270.579.772	448.209.963	4.126.805		20.929.632.125
- Khấu hao trong năm	7.206.715.585	13.270.579.772	448.209.963	4.126.805		20.929.632.125
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm		10.048.694.330				10.048.694.330
- Thanh lý, nhượng bán		10.048.694.330				10.048.694.330
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	22.562.486.710	8.763.456.782	1.110.352.678	107.717.482		32.544.013.653
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	46.150.951.819	10.792.173.692	723.311.831	19.991.141		57.686.428.483
2. Tại ngày cuối năm	150.231.827.143	32.558.539.201	2.826.243.686	15.864.336		185.632.474.365

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 38.706.296.129 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 140.600.000 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

07. TÀNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH		Đơn vị tính: VND					
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	34.971.549.135	34.971.549.135					34.971.549.135
2. Số tăng trong năm	108.265.578.925	108.265.578.925	468.912.998				108.734.491.923
- Thuế tài chính trong năm		108.265.578.925	468.912.998				108.734.491.923
- Tăng khác							
3. Số giảm trong năm	24.818.275.962	24.818.275.962					24.818.275.962
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính							
- Giảm khác	24.818.275.962	24.818.275.962					24.818.275.962
4. Số dư cuối năm	118.418.852.098	118.418.852.098	468.912.998				118.887.765.096
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm		9.123.506.353					9.123.506.353
2. Khấu hao trong năm		3.925.722.148	6.512.681				3.932.234.829
- Khấu hao trong năm		3.925.722.148	6.512.681				3.932.234.829
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính							
- Tăng khác							
3. Giảm trong năm		10.048.694.330					10.048.694.330
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính							
- Giảm khác		10.048.694.330					10.048.694.330
4. Số dư cuối năm		3.000.534.171	6.512.681				3.007.046.852
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm		25.848.042.782					25.848.042.782
2. Tại ngày cuối năm		115.418.317.927	462.400.317				115.880.718.244

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 78.790.190.177 VND
 - Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính và các hợp đồng chuyển giao thuê tài chính từ Cty Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia sang
 - Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê TC bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DULỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH		Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	2.613.500.000			60.000.000		2.673.500.000
2. Số tăng trong năm	55.946.047.423					55.946.047.423
- Mua trong năm	20.851.872.273					20.851.872.273
- Tặng khác	35.094.175.150					35.094.175.150
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	58.559.547.423			60.000.000		58.619.547.423
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm				60.000.000		60.000.000
2. Khấu hao trong năm	630.552.780					630.552.780
- Khấu hao trong năm	630.552.780					630.552.780
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	630.552.780			60.000.000		690.552.780
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	2.613.500.000					2.613.500.000
2. Tại ngày cuối năm	57.928.994.643					57.928.994.643

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND
 - Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	660.365.930	20.569.697
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	660.365.930	20.569.697
b) Dài hạn	103.374.304	67.927.718.472
Chi phí thuê đất	103.374.304	67.927.718.472
Chi phí khác		
Cộng	763.740.234	67.948.288.169

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	119.702.899.430	119.702.899.430	437.171.533.941	404.014.365.795	86.545.731.284	86.545.731.284
Vay ngắn hạn - USD			40.837.731.421	40.837.731.421		
Cộng	119.702.899.430	119.702.899.430	478.009.265.362	444.852.097.216	86.545.731.284	86.545.731.284
b) Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	139.451.756.995	139.451.756.995	107.021.756.995	9.070.000.000	41.500.000.000	41.500.000.000
Trên 5 năm						
Cộng	139.451.756.995	139.451.756.995	107.021.756.995	9.070.000.000	41.500.000.000	41.500.000.000



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lập Võ, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Từ 1 năm trở xuống	6.771.053.913	515.190.730	7.781.709.104	1.570.528.657
Trên 1 năm đến 5 năm	5.636.163.783	428.840.085	543.008.154	109.591.589
Trên 5 năm				
Cộng	12.407.217.696	944.030.815	8.324.717.258	1.680.120.246
				6.644.597.012

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	17.987.293.667	17.987.293.667	6.255.863.183	6.255.863.183
Lãi thuế tài chính phải trả	17.987.293.667	17.987.293.667	6.255.863.183	6.255.863.183
Dài hạn	60.802.896.510	60.802.896.510	4.110.586.061	4.110.586.061
Gốc nợ thuế tài chính	60.802.896.510	60.802.896.510	4.110.586.061	4.110.586.061
Lãi thuế tài chính phải trả				
Cộng	78.790.190.177	78.790.190.177	10.366.449.244	10.366.449.244

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN					
a) Ngắn hạn	25.212.177.580	22.381.907.980	28.919.087.343	28.919.087.343	
- Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia			27.833.895.248	27.833.895.248	
- Cty CP Du lịch Đồng Tháp	20.163.666.000	20.163.666.000			
- Cty TNHH Hữu Sáng	2.830.269.600				
- Đối tượng khác	2.218.241.980	2.218.241.980	1.085.192.095	1.085.192.095	
b) Dài hạn					
Cộng	25.212.177.580	22.381.907.980	28.919.087.343	28.919.087.343	
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán					
Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán					
d) Phải trả người bán là các bên liên quan					

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
+ Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.499.062.213	3.497.851.862	638.109.845	638.320.196
Thuế thu nhập cá nhân	71.807.771	29.444.302		42.363.469
Thuế GTGT			847.113.959	847.113.959
Cộng	3.570.869.984	3.527.296.164	1.485.223.804	1.528.797.624

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

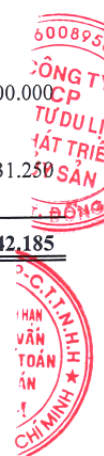
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	1.294.894.118	995.542.185
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	110.562.368	84.935.935
Bảo hiểm xã hội	89.050.000	94.575.000
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.070.000.000	800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.281.750	16.031.250
b) Dài hạn		
Cộng	1.294.894.118	995.542.185

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000				15.360.198.401	165.360.198.401
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước					11.136.867.278	11.136.867.278
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				901.154.720		901.154.720
Giảm vốn trong năm trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(1.351.732.080)	(1.351.732.080)
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000			901.154.720	25.145.333.599	176.046.488.319
Tăng vốn trong năm nay	231.000.000.000				(1.000.000.000)	230.000.000.000
Lãi trong năm nay					21.360.816.186	21.360.816.186
Tăng do trích từ lợi nhuận						
Tăng khác				1.113.686.728	(1.670.530.092)	(556.843.364)
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	381.000.000.000			2.014.841.448	43.835.619.693	426.850.461.141





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

14 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Số cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của công ty mẹ	301.926.000.000	79,25%	68.000.000.000	45,33%
<i>Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia</i>	<i>301.926.000.000</i>	<i>79,25%</i>	<i>68.000.000.000</i>	<i>45,33%</i>
Vốn góp của các đối tượng khác	79.074.000.000	20,75%	82.000.000.000	54,67%
Cộng	381.000.000.000	100,00%	150.000.000.000	100,00%

14 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	231.000.000.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	381.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Trong năm, Công ty thực hiện việc tăng vốn từ 150.000.000.000 đ lên 381.000.000.000 đ từ việc phát hành cổ phiếu 230.000.000.000 đ và phát hành cổ phiếu thưởng cho Cán bộ Công nhân viên 1.000.000.000 đ

14 . 4. Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.100.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.100.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.100.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.100.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

14 . 5. Các quỹ của công ty:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	2.014.841.448	901.154.720
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	274,119.09	9,550.87
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	658.856.437.387	344.228.040.576
Doanh thu khác		
Cộng	658.856.437.387	344.228.040.576

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm nay
+ Công ty CP ĐT và Phát Triển Đa Quốc Gia	Công ty mẹ	44.560.253.356
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á	Công ty liên kết	226.398.893.643

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	1.604.155.884	246.365.257
Cộng	1.604.155.884	246.365.257

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	606.331.156.936	319.923.695.755
- Giá vốn khác		
Cộng	606.331.156.936	319.923.695.755

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.040.811.715	508.999.624
Lãi bán các khoản đầu tư	1.364.875.118	
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.443.892.588	387.312.558
Lãi tiền trả trước cho Công ty CP ĐT & XD Sao Mai tỉnh An Giang		4.126.762.469
Lãi tiền ứng trước khách hàng cá nhân		5.976.657.750
Cộng	7.849.579.421	10.999.732.401

05. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	13.513.560.531	10.928.376.599
Lãi tiền vay hoạt động tài chính	944.030.815	1.711.269.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá	719.688.004	582.110.839
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.403.709.043	1.557.329
Chi phí tài chính khác	182.202.822	202.500.000
Cộng	17.763.191.215	13.425.814.104

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên, hoa hồng	368.639.010	213.445.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.470.484	268.603.200
Cước tàu, phí vận chuyển	5.977.013.910	2.369.575.737
Phí kiểm nghiệm	1.271.443.400	747.787.000
Chi phí bằng tiền khác	453.087.666	806.485.859
Cộng	9.026.654.470	4.405.896.798

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	3.392.207.395	2.742.370.862
Khấu hao TSCĐ	137.088.314	206.760.954
Thuế phí và lệ phí	1.798.183.979	676.298.385
Chi phí bằng tiền khác	972.652.049	885.511.199
Các khoản chi phí QLDN khác	764.184.435	106.080.518
Cộng	7.064.316.172	4.617.021.918

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản khác		534.557
Cộng		534.557

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản phạt nộp chậm tiền thuế	57.874.083	131.379.002
Cộng	57.874.083	131.379.002

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu	252.543.010.673	236.455.064.252
Chi phí vật tư, vật liệu	1.169.789.900	1.147.211.097
Chi phí nhân công	7.242.959.774	5.874.509.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.369.572.069	9.875.068.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.786.247.989	1.679.114.150
Chi phí khác bằng tiền	1.030.791.654	928.861.237
Cộng	280.142.372.059	255.959.828.204



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.497.851.862	1.250.521.418
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		90.746.004
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.497.851.862	1.341.267.422

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	21.360.816.186	11.136.867.278
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		450.577.360
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.185.205	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	590	712

(*) Hồi tố chi tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	Năm nay
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	108.734.491.923
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có	
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	585.031.022.357
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	455.746.182.524

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt	651.584.917	516.501.841



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á	Công ty liên kết
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :		
	- Nhận nhượng nhà máy dầu và máy móc thiết bị	167.738.481.729
	- Mua mỡ cá	70.453.662.930
	- Mua phụ phẩm cá	70.713.248.880
	- Bán mỡ cá	42.187.052.385
	- Bán bột cá	2.338.200.971
+ Cty CP Đầu Tư Dầu Cá Châu Á		
	- Bán mỡ cá	219.142.302.866
	- Thuê nhà máy	18.315.000.000
	- Mua mỡ cá, dầu cá	131.142.710.059

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Các khoản phải thu (VND)</u>
+ Công ty CP ĐT Và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI		
	- Tiền bột cá biển + bao tử	1.424.489.048
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á		
	- Tiền bán mỡ cá	73.923.813.463
	- Tiền thuê nhà máy	18.315.000.000
	- Tiền ứng trước mua dầu cá, mỡ cá..	3.938.825.941

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

Nhiệm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Kỳ này		Kỳ trước	
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	474.856.819.850	182.395.461.653	657.252.281.503	244.339.202.873
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận				99.642.472.446
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.856.819.850	182.395.461.653	657.252.281.503	244.339.202.873
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.621.346.614	31.299.205.953	50.920.552.567	2.623.531.241
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.090.398.642)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.830.153.925	34.830.153.925	34.830.153.925	15.035.060.848
Doanh thu hoạt động tài chính	7.849.579.421		7.849.579.421	10.999.732.401
Chi phí tài chính	(15.359.482.172)		(15.359.482.172)	(13.425.814.104)
Thu nhập khác			(57.874.083)	534.557
Chi phí khác			(3.738.220.908)	(131.379.002)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			23.524.156.183	(1.341.267.422)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(205.990.260.174)	(205.990.260.174)	(205.990.260.174)	11.136.867.278
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			27.040.471.824	(1.260.176.770)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			10.088.440.567	



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	111.867.955.622		111.867.955.622	55.097.874.340
Tài sản không phân bổ		684.196.327.987		291.768.820.370
Tổng tài sản	111.867.955.622		796.064.283.609	346.866.694.710
Nợ phải trả bộ phận				170.820.206.391
Nợ phải trả không phân bổ		369.213.822.468		
Tổng nợ phải trả		369.213.822.468		170.820.206.391

b. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, chế biến và xuất khẩu cá, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.487.881.338		129.487.881.338	10.271.189.727
Phải thu khách hàng	111.864.955.872		111.864.955.872	55.097.874.340
Trả trước cho người bán	52.534.713.119		52.534.713.119	77.650.028.464
Các khoản phải thu khác	29.966.029.495		29.966.029.495	18.581.601.011
Đầu tư tài chính ngắn hạn				3.811.545.800
Đầu tư tài chính dài hạn	49.099.473.891	(2.430.159.697)	10.418.973.891	(2.176.314.482)
Cộng	323.853.579.824		323.853.579.824	161.600.693.542



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	25.212.177.580		25.212.177.580	28.919.087.343
Người mua trả tiền trước	183.613.460		183.613.460	
Vay và nợ	337.944.846.602		337.944.846.602	138.412.180.528
Phải trả người lao động				
Cổ phiếu chuyển đổi				
Các khoản phải trả khác	1.294.894.118		1.294.894.118	995.542.185
Cộng	364.635.531.760		168.326.810.056	168.326.810.056

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hỏi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lương tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	25.212.177.580			25.212.177.580
Người mua trả tiền trước	183.613.460			183.613.460
Vay và nợ	137.690.193.097	200.254.653.505		337.944.846.602
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.294.894.118			1.294.894.118
Cộng	164.380.878.255	200.254.653.505		364.635.531.760

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.119,09	9.550,87
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	426.254,20	180.523,06
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	700.373,29	190.073,87

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	314.467.607	81.370.624
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(314.467.607)	(81.370.624)

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định	38.706.296.129	40.456.533.457

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 như sau:

Chi tiêu	Mã số TT200/QĐ15	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Chênh lệch
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
1. Chứng khoán kinh doanh	121/không có	5.987.860.282		5.987.860.282
2. Đầu tư ngắn hạn	Không có/121		5.987.860.282	(5.987.860.282)
3. Phải thu ngắn hạn khác	136/135	15.269.473.011	10.529.343.887	4.740.129.124
4. Tài sản ngắn hạn khác	155/158		4.740.129.124	(4.740.129.124)
NGUỒN VỐN				
5. Quỹ đầu tư phát triển	418 / 417	901.154.720	450.577.360	450.577.360
6. Quỹ dự phòng tài chính	không có / 418		450.577.360	(450.577.360)
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71 / 70	712	742	(30)

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN CHÍNH